

Năm thứ hai — Số 47

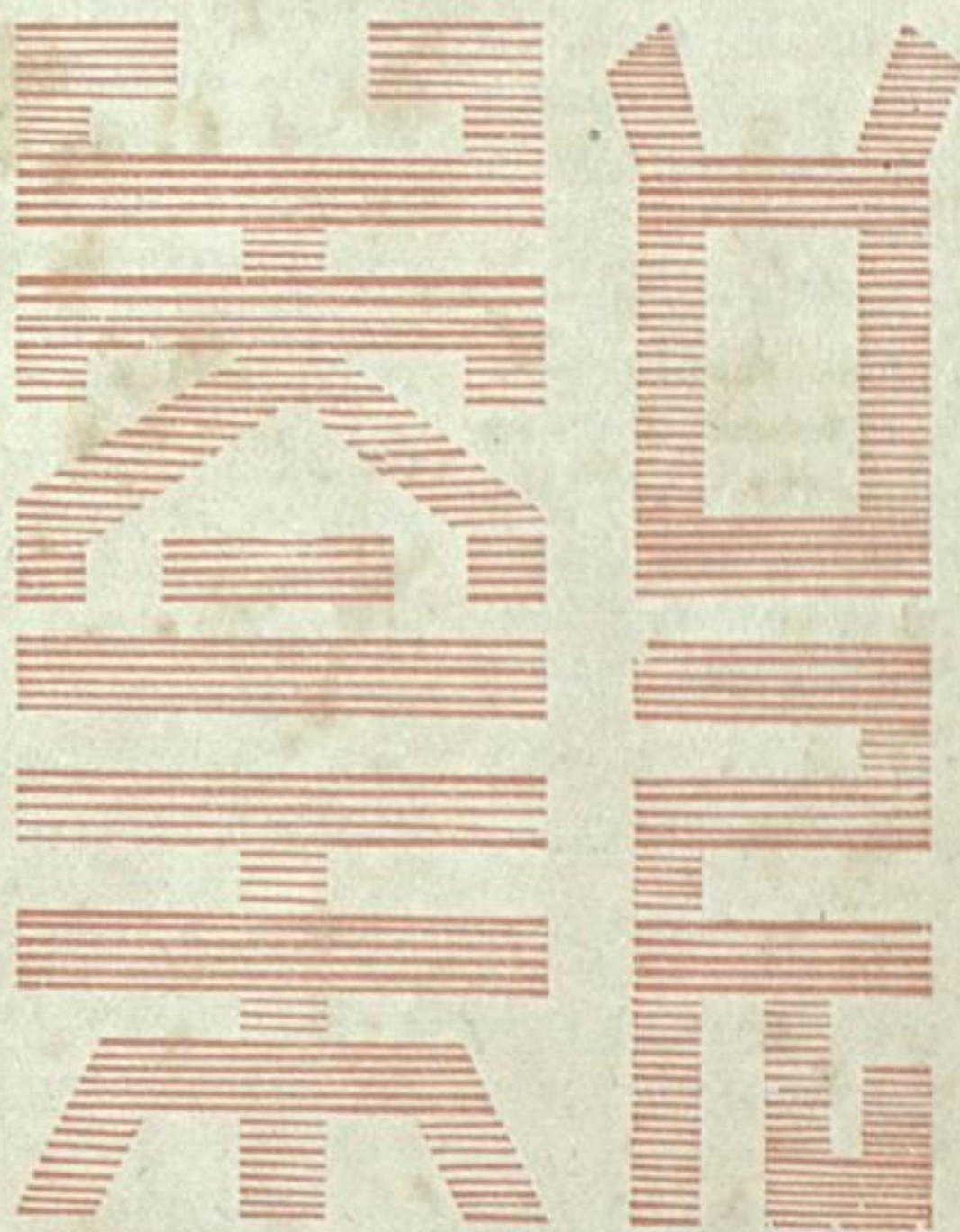
Tuần-lễ từ thứ tư 20 đến

thứ ba 26 Mai 1942

TRi TÀN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần

Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội



Tra nghĩa chữ nho (II) — Chim yến ở Ô-y hạng — Từ nghề
ấn-loát ngoại-quốc đến nghề ấn-loát việt-nam — Bài trúng giải
nhì cuộc thi Đa-hòa — Miền núi Caucase (Thời đàm) — Bàn thêm
về bài thơ « Phổng Đá » — Việt-nam Văn-học sử (XXVI) — Sau
tám năm trở lại thăm Laokay (II) — Thoát cung vua Mạc (XX)
Những ông nghề triều Lê (XXI) — Tài-liệu để đính-chính những
bài văn cổ (XXV) — Bữa « tiệc » dưới gốc me — Những ngày
« lịch-sử » trong tháng Mai (II)

GIÁ BÁO

Mỗi số 1 năm 6p.80
6 tháng 3.50
16 xu 3 — 1.81



Trên đường văn-hóa thế-giới

Từ nghề ấn-loát ngoại-quốc đến nghề ấn-loát Việt-nam

HOA-BÀNG

CHÚNG ta nay, hằng ngày, mỗi khi được cầm tờ báo, cuốn tạp-chí hay quyển sách quốc-văn mà đọc, thấy in sạch-sẽ, trình-bày mỹ-thuật, chắc ta không khỏi có những cảm-tưởng này :

Nếu nghề ấn-loát sớm phát-đạt ở nước ta. từ đời Đinh, Lê (968-1005) chẳng hạn, thì kho sách nước nhà từ bấy đến nay làm gì chẳng được phong-phú ?

Nếu nghề in hoạt-bản ngày nay được những nhà chuyên-môn chịu khó dụng công cải thiện và những tay mỹ-thuật góp sức cộng tác, thì từ đây thẳng bước, mạnh-bạo tiến lên, nền-đồ văn-hóa Việt-nam biết đâu mà hạn lượng được ?

Trong khi lan-man suy-nghĩ và khần-thiết kỳ-vọng ấy, ta không

khỏi liên-tưởng đến cái lịch-trình của nghề ấn-loát ở xứ ta từ lối in mộc bản xưa đến nghề in hoạt bản bây giờ.

..

Nhưng, trước khi thuật qua cái lịch trình nghề ấn loát của ta để mong góp chút tài liệu vào trang sử văn-hóa Việt-nam sau này, tôi xin phác sơ mấy nét về nghề ấn-loát của ngoại-quốc đã :

Nước Pháp, hồi năm 1397, lối chơi bài lá rất được phổ cập trong nước, nên ở Paris bấy giờ đã có sắc-lệnh định rằng : trừ những ngày được nghỉ, còn các ngày thường, cấm thợ thuyền không được đánh bài lá và các món chơi khác. Thử bài lá mà thợ thuyền dùng đấy tất rẻ tiền lắm. Có lẽ nó là thứ bài lá in bằng mộc bản.

Mồng một, tháng sáu, năm 1401, vua Charles VI cho phép những nhà có quan hệ đến việc chế tác sách vở được kết thành một tổ-hợp. Cái tổ-hợp ấy, trong khoảng độ 400 năm, rất có công đối với việc làm sách, xuất bản và phát hành cùng mua bán sách. Nó đã đem đến bao sự tiện lợi cho phái cổ cụ, nhà làm bản đồ, nhà in, nhà chế bản in, v.v. Về mặt văn hóa nước Pháp, nó thật cống hiến được nhiều lợi ích lắm. Nhưng đến hồi đại cách mạng, nó bị Quốc-dân hội-nghị nghị-quyết giải tán (1791).

Nước Anh từ năm 1380 đến 1384, ông Wyclif và bọn đệ tử ông đem bản Kinh thánh bằng tiếng La-tinh dịch ra tiếng Anh đời cổ, đặt nhan là « Lollard Bible ». Sau khi bộ Kinh-thánh ấy xuất bản, lưu hành khắp nước Anh, đến nay còn 170 bộ.

Qua năm 1403, ở Londres thành lập một tổ hợp của những người viết chữ, chế bản in, đóng sách và bán sách. Cái tổ hợp này còn sống mãi đến bây giờ, giúp ích cho văn hóa nước Anh không phải là ít.

Nước Đức, từ năm 1391 đã có một xưởng máy chế giấy đầu tiên lập ở Nurnberg, nên nghề in ở Đức cũng sớm phát đạt.

Mà Gutenberg (1397-1468) được người ta kể là ông tổ nghề in hoạt bản (typographie) lại chính là người ở Mayence bên Đức.

Khoảng năm 1423, ở Đức cũng như ở Bỉ-lợi-thì và Hà-Lan, lối in mộc bản rất thịnh hành.

**ĐÃ CÓ BÁN KHẮP ĐÔNG - PHÁP
HAI TÁC-PHẨM NGHỆ THUẬT MỞ ĐẦU
CHO NHỮNG SÁCH CÓ GIÁ TRỊ KHÁC**

của

Nhà xuất-bản "MỚI"

57 — Phúc Kiến — HANOI

KINH CẦU TỰ

Tập văn xuôi đầu tiên của thi sĩ
HUY CẬN, bla mỹ thuật do thi sĩ

PHẠM HẦU trình bày

1000 bản thường, giá mỗi bản : 0p85

46 bản Lụa g'ó, còn 8 bản
giá mỗi bản : 3p50

30 bản Vergé bambou, còn 6
bản, giá mỗi bản : 4p40

ĐANG IN :

LÀM TIỀN

Phóng sự của TRỌNG LANG
tác giả Hà nội Lâm than

TIÊU NHIÊN

MỊ CƠ

Phóng tác của VŨ NGỌC PHAN

một áng văn chương của thế-
giới

Giá : 1p25

CON NHÀ NGHÈO

tiểu thuyết của Phiêu Linh

Ở Hà-lan, năm 1383, giáo sư Gerhard Groot (1340-1384) thay đoàn «Brothers of the Common Life» đứng lập một xưởng thợ chế tác sách vở. Xưởng này kế tục làm việc cho mãi đến khi thuật ấn loát được phát minh. Đối với trang sử văn hóa ở Hà-lan, nó có ảnh hưởng lớn lao lắm.

Ta nên nhớ rằng ở Âu-châu, trong khoảng từ 1400 đến 1450, nghề in mộc bản hưng thịnh lạ thường. Sau đó không bao lâu, nghề in đồng bản dậy lên, đẩy nghề in mộc bản vào bước suy sút.

Trước ông Gutenberg, người ta tuy đã biết nghề ấn loát, nhưng nhờ bàn tay cải thiện của ông, việc in, vật liệu nghề in và thủ tục làm nghề hoạt bản mới được trở nên tiện lợi hơn, và tiến triển một cách đáng kể, nên người ta vẫn kể ông là một nhà phát minh ra nghề in hoạt bản này. Từ khi nghề in hoạt bản này, được phát đạt, Âu-châu ngày càng tiến tới, nhảy múa trên vũ đài văn-minh.

Còn Á-châu?

Theo bộ Từ-nguyên của Tàu, thì nghề khắc ván, in sách bắt đầu có từ khoảng Tùy (581 - 617) Đường (618-906).

Lại cứ như lời tựa trong tập Quán hư thiên nguyệt, thì cuối

đời Đường, đã có nhà thơ đến khắc ván, in ra và phát hành tập thơ của mình đã làm.

Tổng-sử chép: «Điền Mẫn đi sứ Hồ-nam, đường qua Kinh chữ, đem kinh sách chữ in đưa cho Cao Tông - Hối». Xem thế thì biết ở Tàu, đời Tống đã có nhiều kinh sách in rồi.

Ở Nhật-bản, từ đời Trường-khánh Thiên - hoàng năm Văn-trung thứ nhất đến đời Hậu-tiêu-Tùng Thiên-hoàng, khoảng năm Ứng-vĩnh, (vào khoảng 1372-1395), Ngũ-sơn là những chùa triền ở Kinh đô và ở Liêm-thương đã làm được những việc khắc, in và xuất bản sách rồi.

Năm Ứng-vĩnh thứ 21 đời Xung Quang Thiên - Hoàng, tức năm 1414 Tây-lịch, Nhật - bản in ra được hai quyển (trên và dưới) sách có tranh vẽ, nhan là Dung thông niệm Phật duyên khởi hội. Sau khi in xong, lại dùng bút vẽ màu sắc xen thêm vào. Nó là một tác phẩm tối cổ trong những bản sách có tranh vẽ và có ghi rõ niên đại hiện còn ở Nhật bây giờ.

Theo Cao-ly sử, Bách quan chí, thì ở Cao-ly, năm 1392, vua Cung-nhượng-vương có lập thư tịch viện, đặt chức Lệnh thừa sử giữ việc đúc chữ, in sách. Nhưng công cuộc ấn-loát chưa tiến-hành được mấy thì tặc phải dừng lại vì bấy giờ triều Cao-ly bị diệt vong (Cung-nhượng-vương năm thứ tư). Triều Lý (Triều-tiên) lên thay (Thái-tổ Lý-thành-Quế nguyên niên, 1392). Qua năm 1403, vua Thái-tổ là vua đời thứ ba triều Lý lại tiến hành việc ấy. Công cuộc này mở một kỷ nguyên mới trên trang sử ấn loát ở Triều tiên. Sau đó chừng 50 năm, ở nước Triều-tiên đã 11 lần ra sắc lệnh có quan hệ đến việc đúc hoạt-tự (lettres mobiles) và in sách vở. Các sách của Triều-tiên in ra hồi đó hầu hết đều in bằng hoạt tự đúc bằng đồng cả,

Có điều này rất đáng chú ý: Trong nghề ấn loát, kể từ khi mới làm nghề mộc bản, Á đi trước Âu, Tàu biết trước Nhật. Chứng cứ: đời Đường (618-906) đã có tập thơ in bằng lối khắc ván, mà bên Âu-châu, bức tranh vẽ, in lối mộc bản, về tích Saint Christophe công chúa Jésus thơ ấu lội qua sông mãi đến năm 1423 mới ra đời một cách tinh xảo. Lại chính người thợ khắc, Tàu tên là Du-Lương-Phủ, khi sang Nhật, ở tại Sai-nga thuộc Kinh-đô, đã giúp công việc xuất bản cho chùa Thiên Long bấy giờ (khoảng 1372-1395). Thế mà, thời gian qua, trong công cuộc ấn loát, sau Á lại phải thâu thái của Âu, mà Nhật lại tiến hơn gấp mấy Tàu. Đã biết cuộc đời, không tiến thì lùi, chứ không thể đứng im được. Và, một sự vật tuy được nước này phát kiến, nhưng nếu nước ấy không biết tiếp tục tiến thủ và mở mang rộng ra thì sau sẽ lại bị nước khác bỏ rơi một cách không ngờ, mặc dầu họ đã học lỏm của mình đầy thật.

Kỳ sau tôi sẽ nói đến lịch trình nghề ấn loát ở xứ ta.

HÒA-BÁNG

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN

195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0\$85 **chữ 0\$06**

Gửi bằng tem (có) cũng được. Không gửi lối hình hóa giao ngân

Đón xem

Tôn Thọ Trường

một danh-sĩ đời Đồng-Na
(1825-1877)

KHUÔNG-VIỆT biên soạn

THIỆU-SƠN đề tựa,

«... Một công trình có giá trị
về lịch sử và một tấm gương
tiết tháo để soi chung».

Nhà NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀ

12, Rue Sabourain, Saigon
phát hành.

CHIM YẾN Ở Ô-Y HẠNG

của BÁCH-THẢO-SƯƠNG Tiên-nữ

Châu-tước kiều biên dã-thảo hoa,
Ô-y hạng khâu tịch-dương tà,
Cựu thời Vương, Tạ đình tiền
yến
Phi nhập tâm - thường bách-
tinh gia.

Ô-y hạng, tức là ngõ áo đen.

Ngày xưa họ Vương, họ Tạ là hai họ vọng-tộc thế-gia, muốn phân-biệt với hạng tâm-thường, nên mặc toan áo đen. Vì thế nên con đường vào xóm của họ Vương, họ Tạ mới gọi là «Ô-y hạng».

Chim khôn đồ nóc nhà quan.

Loài chim yến phải chăng là loài chim khôn hơn hết, cho nên nóc nhà Vương, Tạ mới phải là chỗ dung thân của họ - hàng nhà chim ấy.

Cái chuyện chim yến ngày xưa là thế. Về sau đời Đường, thi-sĩ Lưu Vũ-Tích qua chơi Ô-y hạng thi:

Bên cầu Châu-tước, cỏ nội hoa hèn khắp nơi hoang dại, vẽ ra một cảnh đìu-hiu dưới ánh nắng nhạt buổi chiều tà.

Những con chim yến mà tổ-tiên ngày trước chỉ biết vắng lai nhà họ Vương, nhà họ Tạ thì bây giờ đây, lầu đài Vương Tạ còn đâu, giống chim yến kiên-kỳ kia cứ sải cánh bay tràn vào những nhà dân-dã tâm-thường cũng không ngậm-ngùi mà cũng không cần chọn-lựa nơi cao-cả quan sang gì hết.

Những con chim yến đó đã có người nhắc tới bằng những câu:

Ô-y làng nọ vừa ban tối,
Vương Tạ lâu kia hãy hé rèm,
...Lắm-lét những lo không nóc
đổ ..
...Lầu mấy mường-tượng bình
xưa đồ

Gác nguyệt bơ-lơ chốn cũ tìm.

(Nhữ g câu thơ đó rút ra ở trong hai bài thơ xướng họa về chim bạch - yến, trích ở một quyển truyện xưa, dân về thời Lê-mạt, nhan là Song-tinh, chép bằng thơ lục bát).

Hiện đại, một Việt-nam thi-nhân trong «Thi-nhân Việt-nam» ông Quách-Tấn có câu thơ:

Từ Ô-y hạng rũ-rê sang.

Đọc câu thơ đó ai cũng thấy rõ cảnh những con chim yến ở nhà Vương Tạ cũ bất chấp thời-gian và không-gian rũ-rê nhau bay sang đến vùng ông Quách-Tấn. Bay đến đấy đổ ở đâu, để làm gì thì không biết, nhưng mà thi-sĩ nghe thấy:

Bóng lẫn đêm thâu tiếng rộn-rang.

«Bóng lẫn đêm thâu» thì không thể nào có được, vì bạch-yến và hoàng yến thì khó mà lẫn với đêm thâu, còn yến thường thì lưng đen mà bụng trắng.

Không biết chim yến ở «Ô-y hạng rũ-rê sang» mà ông Quách-Tấn thấy đó nó là loài yến nào mà đen thui đến lẫn với bóng đêm thâu?

Đến tiếng của chim yến nữa, ông Quách Tấn nghe ra cũng khác thường. Tiếng kêu của

chim yến thường thì rất ngắn mà không «rộn ràng» tí nào.

Ni-nam yến-tử ngữ lương gian.

Cái tiếng «ni-nam» của Tàn đó nó như là tiếng riu ran riu rít của ta.

Trời bến Phong-kiều sương thấp thoáng,

Thu sông Xích-bích nguyệt mờ mang.

Bấy giờ, hai cảnh Phong-kiều và Xích-bích mới hô ứng với cái nhan trên là «Đêm thu nghe quạ kêu».

À ra nó là con quạ! Thì ra loài chim yến từ Ô-y hạng ngày xưa, trải qua một khoảng vũ-trụ dằng dặc bao la, chim yến «rũ-rê» sang đến vùng Bình định Nha-trang gặp thi sĩ họ Quách, kinh hãi quá chừng, lũ chim ấy bèn kêu lên những «tiếng rộn-ràng». Tiếng kêu «đồng-vọng lưng mây» khiến cho thi sĩ «tình hoang mang, tứ hoang mang» như trong thấy thấp thoáng sương bên Phong kiều, mờ mang trăng sông Xích-bích.

Rồi, nhờ tay phù phép của thi sĩ «úm ma la», bao nhiêu chim yến thành ra con quạ «đen long, đen cánh, bộ giò cũng đen», nên mới lẫn với đêm thâu một cách dễ dàng như thế!

Hỡi thi-nhân! nên cẩn thận hơn một chút khi nguồn cảm-hứng quá dồi dào và tưởng ông Hoài Thanh nên nghiêm khắc với nhà thơ Nha-trang hơn tí nữa.

BÁCH-THẢO-SƯƠNG tiên-nữ

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 2

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TÔ

Ở trang 20 quyển *Từ nguyên từ điển*, ông Lê văn Hòe cắt nghĩa « bách hộ là một trăm nhà. » Nền theo quyển *Từ nguyên* thêm một nghĩa nữa, là chức quan trong một xã coi 100 người quân, nhà Nguyễn (1277-1367) đặt ra nhà Minh (1368-1643) bắt-chước; quan và quân phần nhiều cha truyền con nối (thế tập). Còn *lý-chính* là một hương chức đời xưa. Sách *Công dưong truyện* chú chép: « Một làng (chữ nho nhà lý) có 80 nhà; người trông nom các việc gọi là lý-chính, so với thứ dân là quan ». *Từ nguyên* chép đời Bắc-Tề (550-577) đời Tùy (589-617) đều đặt chức lý-chính. Đời Đường (618-905) trăm nhà (bách hộ) là một làng: làng đặt một người lý chính. Đời Tống (960-1276), đời Kim (1115-1234), đời Nguyên (1277-1367) đều theo chức ấy. Đời Minh (1368-1643) mới chuyên dùng tiếng lý trưởng (Minh thủy chuyên dụng lý-trưởng chỉ danh); ông Lê văn Hòe lại chép « mãi đến đời Minh, chức lý-chính mới đổi làm lý-trưởng ». Theo quyển *Từ nguyên* thì bên Tàu lý trưởng cũng là hương-chức đời xưa, đời Hán-Ngụy bắt chước phép đời Chu, lấy 25 nhà (gia) làm một làng (lý) đặt lý trưởng. Đời Minh Thái-Tổ (1368-1376) định 110 nhà làm một làng (lý), làng chia ra mười giáp (thế là mỗi giáp 11 nhà), trong 110 nhà ấy chọn nhà nào nhiều đinh lấy 10 nhà làm giáp-trưởng, tất cả 10 giáp-trưởng, bằng năm theo công việc của một người lý-trưởng.

Ở bên Tàu thì thế, còn bên ta bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* (quyển *Quan chức chí*) chép như sau này: « Đầu đời nhà Trần (theo bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* quyển 6, tờ 21 b.-22 a, thì bắt đầu từ năm 1242) vua Thái-Tôn (1225 - 1258) đặt đại tiên ti-xã: từ ngũ phẩm giở lên làm đại-ti-xã, lục phẩm giở xuống làm tiên-ti-xã, cùng chức xã chính, chức xã-giám, gọi là xã quan, sửa lại

và làm sổ hộ tịch: chức nhiệm xem ra quan trọng, đời đời noi theo không đổi. Đến năm Quang thái (1388-1398) đời Trần Thuận Tông mới bãi hẳn Nhà Lý, khi mới khai quốc, lại đặt xã-quan (theo bộ *Cương mục*, quyển 15, tờ 13 a b, thì từ năm 1428): xã nhóm ba người, xã vừa-vừa hai người, xã nhỏ một người. Đến năm Quang-thuận (1460-1469), đời Lê Thánh-tôn, đổi chức xã-quan làm xã-trưởng. Từ đời trung-hưng về sau, trong năm Vĩnh-thọ (1658-1661), các châu huyện chọn đặt chức xã-trưởng, xã-sứ, xã-tư, lấy những người nho-sinh và sinh-đồ cho làm; chức trách là chính-lý việc làng, khám hỏi việc kiện-tụng. Các quan thừa-hiến các châu, huyện, xét người nào liêm, người nào tham, siêng-năng hay lười-biếng, cho thăng lên hoặc truất xuống. Đến đời Cảnh-trị (1663-1671), chọn những tử-đế nhà lương-gia cho làm xã-trưởng, huấn-hóa xã-dân, ba năm một kỳ xét công, thăng làm huyện-quan. Trong năm Bảo-thái (1720-1729), định phép xét công; phẩm xã lớn, xã vừa, xã nhỏ, đều định danh số; quan trấn-mục giao cho coi giữ làng xóm, thu nộp các thuế. Nếu hai lần xét công, đều xứng-đáng chức việc, thì được thăng phẩm-tước; lễ định ba năm một lần xét, về sau lâu-lâu bỏ phép ấy, chẳng ai làm. Từ đời Long-đức (1732-1735) Vĩnh-hựu (1735-1740) về sau, việc đặt xã-quan hết thấy tùy ý dân, phép xét công bỏ hẳn, mà quan trên chẳng lấy chức xã-quan làm trọng ».

Ở trang 23 quyển *Từ nguyên từ điển*, ông Lê văn Hòe chép « ông Bàn-Cổ là ông tổ sinh ra Trời, Đất và muôn vật trong thế-gian ». Quyển *Từ nguyên* chép như sau này (tôi dịch theo nguyên-văn để độc-giả biết qua cái học vũ-trụ của người Tàu đời xưa): « Tương truyền giới đất mới mở, Bàn-cổ ra đầu trị đời. Quyển *Ngũ lâm dẫn Từ-chính tam ngũ lịch nghị* chép « giới đất

hỗn-độn như trứng gà, Bàn-cổ sinh ở giữa 18 000 năm: giới đất mở-mang; Bàn-cổ ở trong, một ngày chín lần biến hóa: khi làm thân trên giới, lúc làm thân dưới đất. Giới mỗi ngày cao lên một trượng, đất mỗi ngày dày thêm một trượng, Bàn-cổ mỗi ngày dài lên một trượng, cứ như thế 18 000 năm: số giới rất cao, số đất rất sâu, Bàn-cổ rất dài ». Quyển *Thiên-di-lý* chép « Bàn-cổ là tổ muôn vật trong giới đất, thế thì sinh vật mới từ Bàn-cổ » (Bàn-cổ thì thiên địa vạn vật chi tổ dĩ. thiên tắc sinh vật thủy u Bàn-cổ: xem như thế thì căn của ông Lê văn Hòe dịch hơi sai). Quyển *Lộ sử* chép « khi mới có giới đất, có họ Hỗn-độn ra làm việc trị đời »: *Lộ sử* chưa một câu rằng, « tức là họ Bàn-cổ, thân-linh một ngày chín lần biến ».

Ở trang 26, chỗ chữ *bảo-bối*, ông Lê văn Hòe cắt nghĩa « bảo là báu, là quý-trọng, đất tiền và hiếm có » Hai chữ « đất tiền » và « hiếm có » có lẽ thừa. Quyển *Từ nguyên* cắt nghĩa rằng, « Thường gọi vật gì quý báu là bảo-bối » (thông xưng vật chi trân-quí giả, viết bảo bối). Ngoài những nghĩa chép trong từ điển của ông Lê văn Hòe, chữ *bảo* còn có nghĩa là tôn quý người ta, như gọi gia-quyển người ta, dùng chữ *bảo quyển*, cửa hàng người ta dùng chữ *bảo hiệu*. Chữ *quí* cũng nghĩa như thế, như hỏi họ người ta thì nói là *quí-tính*, hỏi quán-tịch người ta thì gọi là *quí-tính, quý-huyện*. Sách chép về thế kỷ thứ mười bảy người Hòa-lan gọi nước ta là *Quí-Nam* (xem tập *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, năm 1914, trang 337-340, 347-351, và quyển sách của ông W J M. Buch soạn bằng tiếng Hòa-lan, đề là *De Oost-indische Compagnie en Quinam*).

Ở trang 27, chỗ chữ *bảo có*, ông Lê văn Hòe cắt nghĩa « bảo là trông coi, gìn-giữ »: thế thì hơi nhầm. *Từ nguyên* cắt nghĩa *bảo* là nuôi (dưỡng) và *bảo-cổ* là theo tình-trạng nhẹ nặng nuôi người bị đánh có hạn ngày: trong hạn nếu để chết thì mình bị tội nặng (hạn nội trí từ tắc tọa trọng có dã): bởi đó mới có chữ « nuôi bảo có ».

Cũng ở trang 27, chỗ chữ *bát-cổ*, nên chữa lại như sau này: « Phép thi đời Tống (960-1276) lấy văn ngũ-kính

làm đầu bài, bắt giải rõ nghĩa, cho nên gọi là *kính - nghĩa*. Nhà Minh (1368-1643), nhà Thanh (1644-1912) bắt - chước, nhưng thế-tái hơi khác. Người ta quen gọi là bắt-cổ, lại có khi gọi là chế-nghĩa, có khi gọi là thời-văn. Đến cuối nhà Thanh bỏ khoa-cử thì mất hẳn lối văn ấy (chép theo *Từ-nguyên*). Như thế thì « bắt-cổ là lối văn kính-nghĩa, tục quen gọi là bắt-cổ (chữ không phải « là một lần tục của văn kính-nghĩa » như lời ông Lê Văn Hòe viết trong *Tâm nguyên từ-diễn*, trang 28). Lối kính-nghĩa mà hóa ra lối bắt-cổ thì bắt đầu từ đời Thanh-hóa (1465-1487). *Từ-nguyên* chép « cũ nghĩa là đời nhân. Từ năm Thiệu-thần (1457-1664) và trước, lối văn kính-nghĩa cốt là phổ-diễn truyền. chế, hoặc đổi, hoặc tán, không có định cố-h. Từ khoa thi bãi năm Thanh-hóa thứ 23 (1487), mới chính - định lại lối văn kính-nghĩa: phép bắt-cổ bắt đầu từ đây ». Ông Lê Văn Hòe nói rằng: « Sau khoa thi hương năm Ất - mao (1915) tại Bắc-kỳ, khoa thi hương bị bãi bỏ ». Nên thêm rằng: Sau khoa thi bãi năm kỷ-mùi (tức là năm Khải-định thứ tư, 1919) tại Huế, khoa thi hội cũng bỏ nốt.

Ở trang 29, ông Lê Văn Hòe cắt nghĩa « bắt đầu là tám thứ tiếng do tám đồ âm nhạc thời cổ nước Tần và nước ta phát ra » (?). Các sách nói về âm-nhạc, như quyển *Essai historique sur la musique classique des Chinois* của ông Maurice Courant đăng trong bộ *Encyclopédie de la musique*, đều chép bắt đầu từ người Tần đặt ra trước: thế thì nên xóa chữ « phát ra » ở cuối câu giải nghĩa của ông Lê Văn Hòe. Còn chữ *ngũ âm*, nên bắt chước các sách chưa *cung, thương, đốc, chủ, vũ* là *fa, sol, la, do, ré*, chữ cắt nghĩa chữ *cung* là « tiếng to ồ-ồ » rồi định dấu hỏi, thì không ích gì cho độc-giả. *Từ nguyên* cắt nghĩa chữ *cung* là « rất thấp, rất đục » (tối hạ, tối trọc). *Khang-hi tự-diễn* dẫn sách *Tiền-Hán luật lịch chí* như sau này: « *Cung* là giữa, ở trung-vương, thông suốt bốn phương, xứng đầu ra bốn âm kia ».

Ở trang 30, ông Lê Văn Hòe cắt nghĩa chữ *bạt* « là đường đi bộ », *thi p* « là lội nước hoặc đi đường thủy », *bạt-thiếp* « là đi khắp nơi non nước »: cắt nghĩa như thế thì nhầm, vì *Từ-nguyên* nói *bạt-thiếp* là « đi đường khó nhọc » (ngón hành lộ chi nan dã): « đi lên cỏ gọi là *bạt* » (thảo hành viết *bạt*), « đi khắp không lội nước » gọi là *thiếp* (đo

hành lộ thủy): chữ này chép theo tự-vị Khang-hi.

Cũng ở trang 30, chỗ phụ-chú, ông Lê Văn Hòe dẫn « đường dùng lẫn chữ *bằng* với hai chữ *thăng hạ* », ông không nói rõ tại sao. nhưng có lẽ nhầm, vì *Từ-nguyên*, ở chữ *thăng-hạ*, chưa là « vị thiên-tử bằng dã » (đứng thiên-tử mất): như thế thì chữ *bằng* và chữ *thăng-hạ* có thể dùng lẫn với nhau được.

Ở trang 31, dưới chữ *bản sắc*, nên thêm rằng: « ngày nay lấy chữ *tước-bình* (bình phong vẽ chim tước) vì vào việc kén rể » (kén rể nên tranh tước chi sự) (chép theo *Từ-nguyên*). Dưới chữ *bê-hạ*, nên dẫn « quyển *Độc đoán* chép đứng thiên-tử tất có cân-thần, cầm đồ binh-khi đứng cạnh bên để phòng việc chẳng ngờ bấy-lời lâu vua không dám trở rõ, cho nên dùng chữ *bê-hạ* » (chép theo *Từ-nguyên*).

Ở trang 33, ông Lê Văn Hòe cắt nghĩa *biệt-thự* « là ngôi nhà làm riêng ở nhà quê cách biệt hẳn với nhà mình ở thường »: nên xóa ba chữ « ở nhà quê » vì *Từ-nguyên* chỉ chưa rằng: « ngoài chỗ nhà ở, làm riêng chỗ chơi-bời nghỉ ngơi, gọi là *biệt-thự* » (ư cư trạch ngoại, biệt vị du tức chi địa, viết *biệt-thự*).

Cũng ở trang 33, ông Lê Văn Hòe cắt nghĩa « *bình-duyên*: bình là bình-phong; duyên là đình-trai: bình-duyên đây dùng theo nghĩa bóng là khép-nếp thân-trọng như người con gái ở sau bức bình-phong (tức là ở trong buồng khe (buồng the?) lắng nghe) như viên đại-tướng ở trong doanh-trai, tức là ở nơi cầm quân ». *Từ-nguyên* cắt nghĩa bình-duyên là « sơ-hải » (hoàng-khủng dã), chữ không phải là « khép-nếp thân-trọng », và dẫn một câu sách *Quốc-ngữ* như sau này: « Bình-duyên hàng-hoàng vu sơn lâm chi trang », nghĩa là sơ-hải hàng-hoàng ở trong rừng núi.

Ở trang 34, dưới chữ *biểu-lý*, ông Lê Văn Hòe viết nhầm chữ *lý*: nguyên một bên chữ *y* (là áo mặc), một bên chữ *lý* là lắng hoặc dậm đường); có khi viết chữ *lý* ở giữa, còn chữ *y* chia một nửa ở trên, một nửa ở dưới: ông Lê Văn Hòe viết mất nửa trên.

Ở trang 35, ông Lê Văn Hòe viết rằng: « Hoàng-Thượng cùng Lý-Ứng đều làm quan Tư-đồ nước Ngụy. Cả hai đều lấy con gái quan thái-úy Hoàn-nguyên-Thúc. Người thời ấy bảo hai con gái Nguyên-Thúc đều cuối rồng (thừa long). Do đó, sau người ta dùng hai chữ *thừa long* (cuối rồng) để nói người con gái lấy

được chồng danh giá sang trọng như ý muốn ». Nên theo *Từ-nguyên* chữa lại như sau này: « *Kinh Dịch* có câu: « Thời thừa lục long dĩ ngự thiên », nghĩa là « có lúc cuối sáu con rồng để trị ngôi trời », ý nói con rồng lúc ẩn lúc hiện, lúc bay lúc nhảy, nhân thời mà động (biến hóa). *Liệt-tiên truyện* chép Tiên-Sử khi đắc đạo hay thổi sáo. Tần Mục-Công gả con gái Long-Ngọc cho. Sau Long-Ngọc cuối phượng, Tiên-Sử cuối rồng, cùng đi lên trời. *Sở-quốc tiền-hiến truyện* chép Hoàng-Hiến (sách *Sơ-học ký* chép là Hoàng-Thượng) và Lý-Ứng (chữ không phải Lý-Ứng) đều làm rể quan thái-úy Hoàn-Yên (tư là Hoàn Thúc-Nguyên, chữ không phải Hoàn-nguyên-Thúc). Người bấy giờ kêu Hoàn Thúc-Nguyên có hai con gái đều cuối rồng, ý nói được rể như rồng. Thơ Đỗ-Phủ có câu: « Môn-lan đa hỉ-khí, nữ-tế cận thừa long », nghĩa là cửa ngõ nhiều hỉ-khí, con rể giống như cuối rồng. Ngày nay dùng hai chữ *thừa long* để khen người được rể hiền: gốc ở đây ».

Ở trang 35, ông Lê Văn Hòe cắt nghĩa « *bồ phục* là nằm sắp-xuống đất đi bằng chân tay ». Đã « nằm sắp » thì đi làm sao được? *Từ-nguyên* giảng *bồ-phục* là « cúi đầu mà đi » (phục hành dã) và dẫn một câu kinh *Thi* rằng: « Phàm dân có tang, vôi-vàng đến cứu », nghĩa là chân tay đều đi, nói đúng đi rất vôi vàng » (Phàm dân hữu tang, bồ phục cứu chi, thủ túc tịnh hành, trang cấp cự chi thậm). Ông Lê Văn Hòe thêm một câu rằng: « *Bồ-phục* sau biến thành phủ phục ». Không chắc có thật biến như thế không, nhưng phải chưa rằng chữ *phục* ở *phủ-phục* viết khác hẳn chữ *phục* ở *bồ-phục*: chữ *phục* này có một âm nữa là *bặc*: *bồ-bặc* hoặc *bồ-phục*.

Ở trang 37, dưới chữ *Bồng lai* (tên núi tiên) nên chưa rằng có sách chép là *Bồng hồ*, cũng như *Phượng hồ*, *Doanh hồ*. Quyển *Từ-nguyên* dẫn sách *Sử ký* như sau này: « *Bồng lai*, *Phượng trượng*, *Doanh châu* là ba núi thần ở trong Bội hải, thường có người đến đó; các người tiên và thuốc bất tử ở đây; giống vật và cầm thú đều trắng, cung quyết làm bằng vàng bạc ».

Còn nữa

Ưng-học NGUYỄN VĂN-TỐ

Tài-liệu đề đình-chính những bài văn cổ...

Số 25

Ứng-Hồe NGUYỄN VĂN-TỔ

XCVIII

Xích-bích giải âm (1)

Năm nhâm-tuất mùa thu tháng bảy,
Sau ngày rằm hầy-hầy ngọn hui.
Tô-công cùng khách rập-riu,
Dưới dòng Xích-bích thuyền chèo dạo chơi.
Thong-thả lại thời hơi gió mát,
Phảng-lặng đưa mặt nước êm tờ.
Cùng nhau chuốc rượu ngâm thơ :
Câu thơ tiếng hát sóng đưa rập-rình,
Thoắt bóng thỏ chênh-chênh đầu núi,
Dần-dà lên bến lối sao Ngưu.
Ngang sông sương xuống trắng dần,
Da giới sắc nước một màu như nhau.
Thuyền một lá buông đầu mặc đó,
Nước muốn tràn bến đỗ nào hay,
Thénh-thénh sóng rộng sóng đầy,
Xem như cưỡi gió nương bay lưng giới ;
Nhường phôi-phôi ra người di-thế,
Tưởng trần-hoán mấy kẻ dăng tiên.
Liền vui gõ chén gõ thuyền :
Hạt đưa chèo quế tới miền lưu-quang,
Đêm khuya-khoắt mơ-màng lòng khách,
Người cưỡi lan xa cách bên giới.
Phút đầu có khách lạ đời,
Thời tiêu họa hát như khơi mối sầu ;
Khúc ai-oán mỗi câu ruột đứt,
Tiếng véo-von chẳng trật tơ mảnh ;
Hác giao lân mùa xuân tình,
Thuyền li-phụ khóc một mình ai hay !
Ông Tô-công chau mày ngồi ngất,
Hỏi khách rằng : « Sầu chắt vì sao ? »
Khách rằng : « Lơ cớ thanh-tào,
« Hai câu còn nhớ lúc Tào sang Ngõ !
« Đông Tây giáp hai đờ ngánh lại,
« Sơn-xuyên cùng một giải liền không ;
« Ấy ai ngăn đón gió đông ?
« Chu-lang làm khốn Tào-công bấy giờ !
« Tưởng từ lúc xuất sư mình tướng,
« Phá Kinh-châu rồi xuống Giang-lăng !
« Tinh bao sĩ mã pháo dăng,
« Thuyền chen nghìn dặm, cờ giăng khắp giới ;
« Rượu dăm chén coi người như cỏ.

« Lơ dài câu sao trở qua sông ;
« Người xưa vốn kẻ anh-hùng,
« Mà nay ai biết anh-hùng ở đâu ?
« Ta vốn những cùng nhau ao ước,
« Ngự với tiêu bến nước riêng ta,
« Bận-bè mị lạc ngư hà,
« Thuyền lan đưa đón chén hoa rước mời ;
« Cảnh phù-du gửi giới mấy chốc,
« Vì coi bằng hạt thóc bề khơi ;
« Lơ hương mình bỗng chốc bồi-hồi,
« Khen sông khi lở khi bồi xưa nay !
« Muốn chấp cánh mà bay phút thấm,
« Ôm vừng giăng ngời ngấm lại buồn !
« Bết rằng đời chẳng nên khôn,
« Bao phen gió thán kinh hồn đời khi ! »
Tô rằng : « Chớ kể chi việc trước,
« Khách biết chẳng là nước cùng giăng ?
« Lơ xem ngọn nước bóng hằng,
« Mấy từng đi lại, mấy từng đầy vơi ?
« Kể lúc biến thì giới cũng biến,
« Chẳng biến thì ta biết ta không ;
« Đã không thì phải đeo bông,
« Khen chi sông nước mặc lòng phong ba !
« Vả giới đất vật đá có chủ,
« Chẳng của ta thì chớ tư-hào ;
« Trên sông gió mát bằng nao,
« Đầu non giăng dãi, biết bao của mình ;
« Tai nghe vắng như hình thư-thả,
« Ngắm trước nhìn, ngỡ ở thanh-tân ;
« Liều kháng cấm, dụng không ngăn,
« Cửa chung giới đất riêng phần đời ta »,
Khách nghe nói lẽ-hà nức dạ,
Chén mừng đưa mắt lạ khuyên mời ;
Trong thuyền tiệc rượu vừa rồi,
Cùng năm nao biết rằng giới rặng đông.
(Theo quyển Quốc-văn tập-biên, sách viết bằng chữ nôm).

XCIX

Ngũ bảo hoàn khuê (2)

1, Thủy

Huyền-diệu tự-nhiên chín khéo văn,
Dương cơ này số hợp sinh thân.
Lưu-khiêm còn-còn đưa doanh trí,
Ngọc oánh (3) lâu-lâu sạch điểm trần.
Thế lớn dãi-dào nhuần mọi vật,
Ấn sâu chan-chứa khắp muôn dân.
Dòm xem tỏ biết lòng Cơ-tử,
Đốc trí trung quân thấy bội phần.

2. Hỏa

Địa nhị gây nên sáng sở danh,
Sáng vời trác ngọ vận gia-hạnh.
Thụy-chiếu rờ-rờ tòa tám dục,
Hiền trước rành-rành chữ bình đình.
Khấp cả cửa-hoàn nhờ trưởng dưỡng,
So trong ngũ-tự được quân-hành.
Thịnh thay bình đạt ngày thêm thịnh,
Ngọc-trúc hấy-hấy vẻ thụy trình.

3. Mộc

Lịch toán xưa suy rất hiền thông,
Phu hòa là tự, chấn là cung.
Trăm triều cử thổ khoe tài lạ,
Mấy phát thi vi xưng việc dùng.
Nghịm đức chu hành bao thấy-thấy,
Ngợi công thư bố kể trượng-trùng.
Khăng-khăng hằng lấy nhân làm gốc,
Chế-độ ai đâu dám sánh cùng?

4. Kim

Tiên danh đan-tiểu thuộc vĩ-tinh,
Vẹn gìn tình thuận mặc tùy hình.
Kiến trình vốn biết lẽ tông-cách (4),
Cương kinh đã tin hiệu thẩm-bình.
Bảo trọng tốt loài càng liên dụng,
Phép dùng cầm mực đích tuyên minh.
Nhiều phen giúp sức, nhiều phen lợi,
Luận giá cân xưng át thập thành,

5. Thổ

Chềm-chềm quyền đang vị chính-trung,
Đành hay tứ qui có hưng long.
Tĩnh-đôn chẵn-chẵn nào từng chuyển,
Quảng-dại vang-vang uốn chẳng cùng.
Thư phẩm vui-vầy nơi phổ dục,
Bát quang minh thấy thú canh nông.
Tu tường năm ấy giếng vương-chính,
Trí trị nhường bằng thái-cổ phong.

Cuộc thi văn của bạn văn-học

Hội Khai-Trí-Tiến-Đức
về dịp lễ kỷ-niệm cụ Tiên-Điền
(Trí-Tân tiếp được bài này của
Hội Khai-Trí nhờ đăng)

Cuộc thi văn về dịp lễ kỷ-niệm cụ
Tiên-Điền ngày mồng 10 tháng tam
năm nay do Ban Văn-học Hội Khai-
Trí-Tiến-Đức tổ-chức có:

a) 4 bài ca theo thể lục-bát hay
song-thất lục-bát tùy ý, mỗi bài ít

nhất là 12 câu, nhiều nhất là 30 câu,
đầu đề là Hiếu, Đễ, Trung, Tín.

b) Một bài ca-trù hát nói có
mười, đầu đề là Giọt-sắc.

c) Một bài thơ hán-tự (Đường
luật bát cú) ngũ-ngôn hay thất-
ngôn tùy dụng, đầu đề là kính đề
Kiem-hồ Lê Thái-Tổ uyng, văn lã.

Mỗi bài có một giải thưởng bằng
đồ-vật.

Các bài thi xin viết một mặt giấy,
không đề tên tuổi dấu gì cả. Họ tên
địa-chỉ xin viết vào một mảnh giấy

(Trích ở quyển Ngự-đề Thiên-hòa-doanh bách
vịnh của Trịnh Căn, 1682-1709, sách viết bằng
chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 544, tờ
19 a-20 b).

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỔ biên-lập

1) Bài phú Tiễn Xích-bích của ông Tô-đồng-pha đời
nhà Tống đã có ông Phan-kế-Bính dịch ra văn xuôi,
đăng trong Đông-dương tạp-chí, năm 1916, số 63,
phần văn-chương, trang 2970-2972. Những bài dịch
ra lối ca-điệu, mà ở-đào thường đem ra hát, thì mới
có một bài in ra quốc-ngữ trong bộ Văn-dân bảo-
giám, quyển thứ hai, in lần thứ hai, trang 65-67, đề
là Dịch bài phú Xích-bích. Bài dịch mà chúng tôi
chép lại trên kia, nhiều người thuộc lòng, nhưng
xem như chưa có ai in ra quốc-ngữ. Bản nôm không
đề tên dịch-giả.

2) Những bài thơ của Trịnh-Căn in ra quốc-ngữ
lần này là lần đầu. Bản nôm của Trường Bác-cổ
viết theo lối chữ đời Lê-mạt, đọc rất khó; chúng
tôi đã hỏi các nhà nho, nhưng làm thế nào cũng còn
một vài chữ ngờ, nay chép tạm ra đây làm tài-liệu
cho quốc-văn.

3) Bản nôm của Bác-cổ viết rõ là chỉ oánh, nhưng
xét ra không có nghĩa gì. Trong quyển Bội-văn vận
phủ (quyển 84, tờ 79) thấy chữ ngọc oánh dẫn như
thế này: « Bài ký của Điền-nhữ-Thành mừng lễ triều
cận có câu: « Liền qua Giáp-giang, Tân-kim hai
huyện, lúc bấy giờ mặt giăng sáng tỏ, khắp mặt
sông phẳng-lặng như ngọc oánh, thuận giòng mà
chảy xuôi, lòng khách phiêu-nhiên ». Như thế thì
có lẽ là ngọc oánh, chứ không phải chỉ oánh.

4) Do chữ Kinh Thư, thiên Hồng-phạm, quyển 39,
tờ 41 a: « Kim viết tông cách » (hành Kim rằng theo
hoặc bỏ), nghĩa là một đường theo, một đường bỏ,
nói có khác mà thể không biến đổi, ví như một nén
bạc, đem đánh một cái vòng cổ, ấy là tông (theo),
lưu đem dùng vào việc pha với loài kim khác, ấy
là cách (bỏ).

riêng ghim vào bài thi bỏ cả vào
phong bì niêm kín, ngoài đề « Cuộc
thi văn » gửi về phòng thư ký hội
Khai-Trí-Tiến-Đức, 71 Phố hàng
Trống Hà-nội.

Hạn nộp bài thi kể đến ngày 30
tháng 6 ta tức là 11 Aout 1942 là
cùng.

Các bài trúng giải sẽ đăng lên các
báo và tạp chí của hội. Ai muốn
hỏi thêm điều gì xin lại phòng thư
ký hội Khai-Trí-Tiến-Đức.

Ban Văn-Học

Hội Khai-Trí-Tiến-Đức

Bia Văn-miêu

Những ông nghề triều Lê

Số 21

Ứng-Hoè NGUYỄN VĂN-TỔ

Ngoài ông Nguyễn-Lôi và ông Lê-Niệm làm đề-diệu khoa qui mùi, năm quang-thận thứ tư (1463) bia Văn-miêu (còn chép tên ba ông chấm trường là Nguyễn như-Đồ, Nguyễn-vĩnh-Tích và Nguyễn bá Kỳ

NGUYỄN NHƯ-ĐỒ (xem Tri-Tân, số 28, trang 5) tên tự là Mạnh an, hiệu là Khiêm trai, người làng Đại-lan, huyện Thanh-tri ngụ ở làng Từ-dương, huyện Thượng-phước. Năm mười chín tuổi đỗ hội-nguyên khoa nhâm tuất hiệu Đại-bảo (1442), diện thi đỗ bảng-nhôn. Ba lần đi sứ Tàu, làm quan đến Lại-bộ-thượng thư thờ sáu đời vua, thọ 102 tuổi (1425-1526). Có sáu bài thơ cận-thề còn chép trong quyển Toàn Việt thi lục của ông Lê-quí-Đôn (sách viết của trường Bác cổ, số A 1262, quyển 10, tờ 8 b - 9 b) đề là Thành nam viên cư. (nhà vườn ở phía nam thành) Đề-thanh viên giáp tự (đề chùa Thanh-viễn) Thanh-minh hậu tặng Chuyền-vận sứ Trình-công Văn-Huy kiêm vãn-tấn Trảng-an Giáo-thụ Nguyễn công Tử-Tấn (Sau tiết thanh minh tặng quan Chuyền-vận-sứ là Trình văn-Huy và hỏi thăm quan Giáo-thụ Trảng-an là Nguyễn tử Tấn), Thư-trai xuân-mộ (Cảnh cuối xuân trong thư-trai), Du Chí-linh sơn tự (Chơi chùa núi Chí-linh), Xuân nhật tức sự (Tức cảnh ngày xuân) chép theo Đại Nam nhất thống chí, sách viết của trường Bác-cổ, soạn vào đời Tự đức, số A 69, Hà-nội, tờ 60-b, và Toàn-Việt thi lục, q. 10, tờ 8 b - 9 b).

NGUYỄN-THIÊN TÍCH (xem Tri-Tân, số 31, trang 5) sau đời là

Nguyễn-vĩnh-Tích, tên tự là Huyền - khuê, hiệu là Tiên-sơn: người làng Nội-duệ huyện Tiên du. Đỗ khoa tân hội năm thuận thiên thứ tư (1431). Đầu năm Thiên bình (1434) làm chức Thị ngự sử. Trong năm năm, hai lần đi sứ Tàu. Dần dần thăng đến Hàn lâm viện thị độc học sĩ; coi Ngự tiền học sinh cục. Đầu năm Thái hoà (1443) thăng Nội-mặt viện phó sử, bị vu cách chức. Sau lại được khởi dụng làm chức Tri chế cáo trung thư xá nhân, ra làm chức An-phủ-sứ ở lộ Quốc-oai. Đi sứ nhà Minh giở về, thăng Hàn lâm thừa chỉ học-sĩ, coi Đông - đạo quân-dân - Đầu, đời Thánh tôn (1460-1497), thăng Môn hạ-sảnh tả-ti tả-giám-nghị-đại nha, coi Bắc-đạo, rồi thăng Bình bộ thượng - thư. Vua khen là «người ưu quân ái quốc, gặp việc nói thẳng, vì như họ Vương (Bột) họ Hàn (Dũ) bên Tàu» (ưu quân ái quốc, ngộ sự tận ngôn, Bắc chi Vương Hàn), sai cùng ngũ-phủ quan xét và chọn các vệ, nhân thăng Tổng-tri. Tàu xin bằng bị quở phải tạm về nghỉ, sau lại phục chức, kiêm Quốc-tử giám tế tửu. Con là Nguyễn-Hoạt, đỗ đồng-tiến-sĩ đời Hồng - đức (1470-1497), làm quan đến tư nghiệp Nguyễn vĩnh-Tích có soạn bốn quyển Tiên-sơn tập, nay không còn, chỉ còn có một bài thơ cổ-thề là Tiên sơn thủy lạc (Nhớ cảnh vui sông núi) và mười chín bài cận-thề trong bộ Toàn-Việt thi-lục của ông Lê-quí-Đôn. Mười chín bài cận-thề nói về «cửa Thiên hựu đọi nắng; ngày thánh - tiết có lòng cảm; mừng quan Nhập-nội Thuyền phó đi đánh Chiêm-thanh

về, được thăng Tư khẩu bình chương-sự; mừng quan Thủ Trung-thư lĩnh Các-pha tiên sinh đi đánh Chiêm-thanh về, được thăng tri Bắc-đạo quân dân; Ô Man cùng sứ Tàu là Quách-Thanh và Chu-Bật, sứ nước ta là Lê cát, Phủ cùng xem vườn hoa mai; đưa quan thượng thư Đào-công Soan đi sứ nhà Minh; tặng Lễ từ tiên sinh là Lạn-kha về tri-sĩ; đưa Lê-Hựu tới chỗ quán nhung; thủ độc sách cảnh nhà gianh; viết đùa sau khi rượu; đêm trừ-tịch ngẫu thành; cảm hứng mùa thu; cảm mộng mệnh (mạn cảm); lên lầu Hải môn; tháng mộ xuân làm thơ ở Diên châu; lên chùa Hồng ân, đêm ngồi một mình; hứng-thủ mộng-mệnh; làm thơ trong thuyền ở trạm Hoài-trạch» (chép theo Toàn Việt thi lục quyển 9, tờ 31 b - 36 b, và Đại-Nam nhất thống chí, Bắc-ninh, tờ 31)

NGUYỄN BÁ-KỶ (xem Tri-Tân số 37, trang 8), người làng Văn nội (có sách chép là Huân nội), huyện Chương đức; đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa mậu thìn năm Thái hoà thứ sáu (1448). Làm quan đến thượng thư quận công tước kiêm Quốc tử giám lễ từ, nhập nhị kinh diêm. Là anh Nguyễn bá-Kỳ: huynh đệ đăng khoa (chép theo Đăng khoa lục, quyển 1, tờ 6 b). «Năm Thái hoà thứ mười nhà Lê (1452), Cảnh đế nhà Minh lập hoàng thái-tử, sai Hình-bộ lang-trung là Trần-Kim, Hành nhâm-ti Hành-nhân là Quách-trọng Nam sang báo tin và tặng tơ-lụa. Vua Lê-Nhân-tôn (1442-1459) sai Thâm-hình-viện là Phạm - Du, Hàn lâm-viện trực học-sĩ là Nguyễn-bá-Kỳ, Chỉ huy là Lê-Thượng, Thính ngự sử là Lê-Chuyên sang nhà Minh báo - tạ và dâng đồ lễ mừng.» (Khâm định Việt-sử thông giám cương mục, chính biên, quyển 18, tờ 27 b - 28 a)

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỔ

Văn hành công-khí

Bàn thêm với ông Việt - Thường về bài thơ « Phổng-Đá »

ÔNG VIỆT-THƯỜNG, trong T. T. số 42, có viết một bài phân-trần về bài thơ Phổng Đá. Trước hết, ông nhắc lại câu chuyện ngâm thơ chúc thọ của ông Tiên-Đàm bằng mấy câu:

« ... nên nhân lúc quan khách lần lượt làm thơ mừng chủ nhân, đến lượt Nguyễn-Khuyến, thì sực ngâm ngay bài thơ: ông đứng làm chi đó hỡi ông... »

Ông V. T. không nhận kỹ bài của ông T. Đ. hay là ông dụng ý thuật sai đi, thì tôi không được rõ. Chỉ nhận thấy, một đấng thì ông T. Đ. thuật rằng cụ Tam-Nguyên nhân ngày thường ngồi nhân trong nhà học có tức cảnh ngâm bài thơ Phổng Đá. Còn một đấng thì ông V. T. lại thuật là ông T. Đ. bảo cụ Tam-Nguyên nhân bị người soi-mỏi mà ngâm thơ Phổng Đá để chúc thọ, Ông V. T. đã hiểu nhầm như thế, rồi ông lại đặt trên cái nhầm đó một nguy biến để cãi rằng thơ Phổng Đá không phải là bài thơ chúc thọ. Nào có ai lại lỡ-mở đến thế mà cho được bài thơ Phổng Đá là một bài chúc thọ đâu? Có chăng chỉ ông V. T.!

Một đấng ông V. T. lại nêu lên rằng: một ông đồ ngồi giấy học không có bao giờ lại « đối » chơi với gia chủ. Thế thì ông lại càng nhầm! Những chuyện các ông đồ ngồi dạy học ở các nhà quyền-quý trong khoảng ba mươi năm trước đây, thường hay tỏ ý rề-bỉn gia-chủ không phải là hiếm gì! Duy có ông V. T. không biết đó thôi. Riêng về cụ Tam-Nguyên thì tưởng không mấy người là không biết rằng cụ vẫn thường học-hặc với gia-chủ của cụ. Cứ xem ngay hai câu thơ dưới này cụ đọc, nếu tôi không nhầm, khi cụ bị gia-chủ hặc cụ làm thơ, cũng trên một tiệc rượu:

« Ngất ngưỡng trên này có một
tao,
Nào tao có muốn nói đầu nào! »

Ông V. T. lại dẫn bài thơ « Vịnh một bức chân dung » của cụ Tam-Xuyên, mà cho là ý-từ bài Ông Phổng Đá và bài vịnh một bức chân dung giống nhau, rồi ông kết luận là hai bài cùng của một tác-giả. Tôi xin nói rằng đó chỉ là ý riêng của ông V. T. thôi, và chỉ dẫn ngay câu « cao minh chí sĩ ý kiến lược đồng » của ông thuật ra ở gần cuối bài, cũng đủ tỏ ra rằng ông lại nhầm lần nữa, và ông không ngại-ngùng dùng hai thuyết tương-phản trong một bài.

Xét văn, cần xét giọng (style), chứ không xét ý (idée). Người này có thể giống ý-từ người khác, mà ít khi có thể giống giọng văn người khác được. Nếu xét giọng thì thấy rằng bài vịnh một bức chân dung có một giọng khác hẳn — nếu không nói là kém — giọng bài thơ Phổng Đá.

Còn cái thuyết của ông V. T. về chỗ bài thơ Phổng Đá của ông Dương Quảng-Hàm chép không giống với bài thơ chép trong Tam-Xuyên thì tập, thì không có liên-can gì đến chuyện định-đoạt bài thơ đó là của cụ Tam-Nguyên hay là của cụ Tam-Xuyên.

Xin tóm lại:

Ông T.Đ. thuật rằng bài thơ Phổng Đá là của cụ Tam-Nguyên làm trong lúc nhàn rỗi, tức cảnh sinh tình. Còn bài hát ông Phổng Đá mới là của cụ làm trong bữa tiệc thọ, để giã nhời bọn hậu sinh. Hai trường hợp khác nhau sinh ra hai ý-từ khác nhau. Ông V. T. không thể nhận chỗ đó, vội vàng viết một bài trường-thiên để bẻ lại bằng một thuyết băng-quơ.

Và xin kết luận rằng:

Cụ Tam-Nguyên rất có thể có bài thơ Phổng Đá, mà cụ Tam-Xuyên thì, trái lại rất không thể có bài thơ Phổng Đá. Vì sao? Vì giọng văn đó là giọng văn Yên-Đồ, chứ không phải giọng văn Tồn-Thất Mỹ. Chỉ xem bài thơ Phổng Đá thì thấy rằng nhờ thơ đứng đắn! Còn xem bài vịnh một bức chân dung, thì thấy rằng giọng thơ lác cắc.

NGUYỄN-PHƯỜNG

Bàn thêm — Ông V. T. bỏ bài thơ của ông Dương Quảng-Hàm chép không đúng. Song theo ý tôi thì bài Ông đứng làm chi đấy hỡi ông? Trơ trơ như đá, vững như đồng, Đêm ngày coi-sóc cho ai đó?

Non nước vui đầy có biết không? mới là đúng. vì ý tứ dồi-dào, nhờ văn lưu-loát. Còn bài chép trong Tam-Xuyên thì tẻ.

Ông đứng làm gì thế, hỡi ông? Trơ-trơ như đá, vững như đồng, Giữ gìn non nước cho ai đó? Thay đổi bao giờ có biết không? thì vụng-về và thật-thà quá! Vì những nhẽ sau này:

1. « Làm gì thế » non lắm, và không có vẻ « thơ » một tý nào cả. Còn như « làm chi đấy » đành biết bao nhiêu, mà hạ chữ « đấy » mới đủ nghĩa, nó chỉ rõ cái hoàn-cảnh của ông Phổng Đá

2. « Giữ-giữ » thế nào được? « Coi sóc » mới đúng. Xin cứ tế nhận sẽ thấy. Hai chữ « đêm ngày » làm cho câu thơ thêm ý-từ và tỏ rõ cái khó nhọc, cái siêng-năng « hão » của ông Phổng Đá. Cái « hão » đó ta nhận thấy chỗ trong câu tam không có hai chữ « non nước ».

3. « Thay đổi » không có nghĩa. Có ai « thay đổi » hòn non bộ bao giờ. Nước trong bể non bộ chỉ có thể « vui đầy » được thôi, còn non thì bao giờ cũng vẫn là non. Đầy

là cụ Tam-Nguyên chỉ chú ý đến « nước » mà nói phớt qua về « non » thôi.

4 / Ông V. T. bẻ chữ « đầy » và chữ « đó » điệp nghĩa, và chèn là « vụng ». Cứ theo luận thuyết của ông, trong một bài tứ tuyệt có hai chữ điệp là vụng, thế thì trong một câu thất ngôn có hai chữ trùng như câu nhất có hai chữ « ông » thì còn vụng đến đâu ?

Vả lại, đã là ông Phổng Đá thì việc đời còn biết tý gì nữa. Nếu hỏi :

« Thay đổi bao giờ có biết không ? »

Tức là cho rằng ông Phổng Đá vẫn biết có sự đổi thay rồi, duy chỉ còn hỏi ông « thay đổi bao giờ ? » thôi.

Còn như hỏi :

« Non nước nơi đây có biết không ? » thì mới khiến được người ta trông rõ ra ông Phổng Đá.

« Ông đứng đấy trơ trơ suốt ngày đêm »,

« Mà nước kia nơi ông có biết không »

« Hay ông vẫn tưởng hãy còn đây ? »

Vậy, nếu ông V. T. cố giữ bài thơ Phổng Đá làm bảo vật của cụ Tam-Xuyên, thì chúng tôi xin vui lòng giả ông bản chép theo trong Tam-Xuyên Thi Tập. Còn bản chép theo Quốc Văn Trích Diễm thì xin ông cho chúng tôi được nhận làm của riêng của cụ Tam-Nguyên Yên-Đỗ, vì chính ông cũng cho là văn ấy « vụng » không đáng là văn của cụ Tam-Xuyên.

Bàn đến đây, tôi lại nhớ đến ngày bé được xem một bản « Kiều » trong đó câu

« Kể từ xen ngọc, đào tơ »

được nhà xuất bản chữa là :

« Kể từ trên ngọn đào tơ »

và gần đây một phú-thương-gia bẻ câu

« Cánh lê trắng điểm một vài bông hoa » mà cho là

« Cánh lê trắng điểm một vài bông hoa ».

Các cụ tiền bối bằng có sống lại, chắc phải đồng ý với cụ Khổng mà than rằng : « Hậu sinh khả úy ! »

N. P.

TUY HƯNG

Vô duyên

Lòng thẳng không quen chuyện hão-huyền,

Tôi toàn gặp-gỡ những vô duyên.

Trăng lên trong lac mây u ám,

Sóng quạnh, mù xa, nước ngược thuyền.

Tôi đợi bên trời chứt nắng hanh

Suối lòng giá lạnh giữa ngày xanh.

Nhưng mà mưa vẫn rơi không dứt,

Biết hướng nào đây, đón gió lành !

Đỏ lĩ sang ngang lấm chuyết rồi,

Hừng-hờ, hia-quạnh chiêm hồn tôi.

Vườn người này-nở khi Xuân đến,

Xuân đến, vườn tôi vẫn thế thôi.

Hoa nhạt mùi hương, nước cạn

Chẳng còn mơ ước hết chờ mong.

Đời tôi như cốc cà-phê đắng,

Không mảnh đường tan để dịu lòng !

Bữu-Kế

Muôn thừa

Tặng Trịnh-Vân

Muốn thu về Hương-giang

Sương buồn rã mơ-màng.

Mộng qua dài mây Ngự

Thống sầu xanh đôi hàng.

Sóng thơ buồn, Huế đây !

Núi thơ buồn tràn đây.

— Anh là khách viễn-xứ

Vừa dừng chân, hôm nay.

— Khách hãy xuống thuyền em !

Đàn ca hồn phách lạc.

Tình gửi lại Thiên-thai

Thuyền trôi về bến Giác.

Trên sông trắng mơ-màng,

Một con đò mang-mang.

Mộng qua dài mây Ngự

Thống sầu xanh đôi hàng.

NGÔ-HÒA

Sách mới

Tri-Tân nhận được và xin giới thiệu :

1. Nghị-lực, quyển thứ ba trong bộ « Sức khoẻ mới » của P. N. Khuê do Hàn-Thuyên xuất-bản. Sách dày 204 trang, giá 1p.

2. Triều Tây-Sơn (Việt-Nam sử học về thế-kỷ thứ 18) của Phan-Trần-Chúc, do nhà in Mai-Lĩnh xuất-bản. Giá 0p.70

Xin cảm ơn các nhà đã tặng sách.

Về văn-đề cải-cách chữ quốc-ngữ

Tri-Tân có tiếp được tờ đạt của ông Đỗ xuân-Mai, giám-đốc nhà Mai-lĩnh, trong ấy đại ý nói rằng : Vì cuộc thế-giới chiến-tranh, nghề in của ta hiện nay sắp lâm vào một tình-thế khó-khăn là : chữ in kiểu quốc-ngữ mỗi ngày một mòn đi mà không thể thay bằng chữ mới mà ở Pháp.

Ông Mai Lĩnh định xin phép Chánh-phủ để tổ chức tại Hà - nội vào tháng Jun sắp tới một cuộc hội nghị các nhà in, nhà xuất bản, nhà báo và nhà văn ở ba kỳ để bàn bạc và quyết định việc sửa đổi chữ quốc ngữ theo cái nguyên tắc tham bác một phần của ông Nguyễn văn-Vĩnh :

1. Thay năm dấu giọng :

bằng năm chữ q f Z w j lấy trong mẫu-tự la-tinh.

2. Thay những chữ có âm : à ơ u

bằng những chữ à ơ ù ở trong văn tây.

3. Thay những chữ để ghép vần : đ và d

bằng những chữ d x ở trong văn tây.

Sở dĩ muốn sửa đổi như thế, là vì ông Mai Lĩnh cho rằng có mấy cái lợi này :

1. Dùng được chữ tây để in sách quốc ngữ. Chữ kiều tây nếu chưa mua ở bên Pháp được, có thể mua ở bên Nhật.

2. Dùng lại được những chữ quốc ngữ bị thải đi vì mòn dấu. Các chữ ấy thường chỉ vì mòn dấu mà bị thải, nay ta có thể bẻ cái dấu mòn đi mà dùng lại như thường.

Việc này là một vấn đề quan trọng, chúng ta cần phải nghiên cứu và thảo luận nhiều mới được.

T. T.

TIẾT-HAI

TRẦN THÁI TÔNG (1225-1258)

TRONG bài « Lạ-ngôn » ở bộ *Toàn Việt thi-tập* mà một ông bày-tôi nào đó của nhà Lê đã văng mệnh vua, đứng biên tập, có phê-bình về mặt văn-học của các vua Trần rằng : « Tháo hững di khoáng, ký tình cao nhã, phong-vị dật nhiên do tởn. Tuy thiên ngữ vi văn, điệp túc kiến đương-thị chính hóa thanh âm chỉ ngành khái... ». Nghĩa là «... Mượn hững thi bằng-phẳng rộng-rãi, gửi tình thì cao siêu nhã-nhậu, phong-vị bày còn đầy-dẫy ở đó. Tuy trong thơ vẫn có dùng tiếng bên nhà Phật, nhưng đủ thấy được đại-khải cái thanh-âm của chính-trị và giáo hóa ở đời bấy giờ... »

Đứng đầu thế-hệ nhà Trần, ấy là vua Trần Thái-Tông (1225-1258). Thế thì mấy lời phê-bình trên đây, lẽ tất nhiên, có thể dùng làm lời khơi mào cho một đoạn văn-học về phần chữ hán của đời Trần (1225-1400) mà vua Trần Thái được kể là một tên lính tiên-phong.

Ngài húy là Trần Cảnh, trước lại có tên là Bồ, là con thứ Trần Thừa và Lê-thị, người làng Tức-mặc (Thiên-trường, nay thuộc Nam-định), đời làm nghề chài lưới.

Ngài sinh ngày 16, tháng 6, năm mậu-dần, niên-hiệu Kiến-gia thứ tám (1218) đời vua Lý Huệ-Tông (1211-1224), mất ngày mồng một tháng 4 năm Bảo-phủ thứ năm (1273).

Ngài — theo Sử chép — mặt rỗng, mũi cao (long chuẩn, long nhan); tính-nết rộng-rãi, nhân-hậu và có đại-độ. Lại theo trong bài chiếu làm lời Lý Chiêu-hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh, thì ngài là người « văn chất bản bản, thành hiền nhân quân tử chi thể; uy-nghi ừ ớc, hữu thành thần văn võ chi tư... » Nghĩa là đủ cả văn-về lẫn chất

mộc-mạc, thật là bậc hiền-nhân quân-tử; oai nghi thì cần-thận kín-đáo, có cái tư-cách văn võ thánh thần.

Hồi 8 tuổi, ngài làm Chi-ưng-cục Chi-hậu-chính dưới triều nhà Lý, được vào hầu bà Lý Chiêu-hoàng ở trong cung. Ngày 12 tháng chạp năm Lý Chiêu-hoàng Thiên-chương-hữu-đạo thứ hai, được Chiêu-hoàng nhường ngôi, ngài lên ngôi hoàng-đế, đổi niên-hiệu là Kiến-trung (1225-1231).

Công-cuộc chính-trị của ngài thế nào, Quốc-sử đã chép cả. Nay tôi chỉ nói về những việc có dính-lieu đến văn-hóa và đời văn-học riêng của ngài :

Từ đời Lý (1010-1224), tuy đã có khoa-mục đề kén lựa kẻ sĩ, nhưng chưa chia ra đẳng-độ. Đến năm Thiên-ưng-chính-bình thứ nhất (1232), mới đặt ra tam giáp, định thứ tự trên dưới trong ngạch khoa-cử (1). Còn phép tuyển-sĩ thế nào thì chưa tường.

Năm Thiên-ưng-chính-bình thứ mười lăm (1246), định rằng chức tể tướng, lựa dùng người trong tôn-thất, nhưng phải là người hiền-năng, có đạo-ngệ và thông Thi, Thư.

Như vậy, thông Nho là một trong những điều-kiện của người trong họ nhà vua được lựa làm tể-tướng.

Tháng bảy năm ấy (1246), bắt đầu định niên hạn khoa thi : cứ bảy năm một lần « đại-tị », nghĩa là mở cuộc so-sánh lựa-lọc kẻ sĩ bằng phép thi-cử một cách quan-trọng.

Ở nước ta, phép thi có hạn năm là bắt đầu từ đó.

Tháng hai, năm Thiên-ưng-chính-bình thứ mười sáu (1247), mở khoa Thái-học-sinh (tức như tiến-sĩ). Khác với lối trước trong cách lựa lấy kẻ sĩ chỉ chia làm giáp ất, bấy giờ đặt ra tam khôi (2). Có 48 người do khoa Thái-

THỦ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

học-sinh ấy mà xuất thân.

Tháng tám năm ấy (1247), thi tam giáo Nho, Thích, Lão (3) Hễ ai thông các khoa tam giáo thì được đỗ, chứ không như trước rặng dành kỳ thi ấy cho con cáo nhà Nho, Thích, Lão kể nổi nghiệp nhà. Khoa thi tam giáo nay chia ra làm hạng *giáp* và hạng *ất*.

Tháng sáu, năm Nguyên-phong thứ ba (1253) lập Quốc-học-viện. Khi làm xong viện, nhà vua sai tô tượng Chu-công, Khổng-tử và Mạnh-tử; lại vẽ tượng thất thập nhị hiền để thờ.

Tháng chín năm đó (1253), xuống chiếu cho học-giả trong nước vào Quốc-học-viện giảng Lục kinh, Từ thư.

Nhân mấy việc trên, ta thấy đời vua Trần-Thái bấy giờ, tuy mộ đạo Phật, nhưng đã có cái khuynh-hướng suy-tôn Nho-học rồi.

Tháng hai, năm Nguyên-phong thứ sáu (1256) thi Thái học-sinh, nhưng chia làm hai khu : từ Thanh-hóa trở vào nam là *Trại*, từ Thanh-hóa trở ra bắc là *Kinh*. Cho nên, khoa ấy, có Kinh trạng-nguyên và Trại trạng-nguyên (4), khác với trước mỗi khi thủ sĩ, chỉ lấy có một trạng-nguyên thôi.

Trên đây tôi đã lược kể những chính-sự của vua Trần Thái có quan-hệ đến nền văn-học ở thời bấy giờ.

(Tham-khảo : *Đại-Việt sử-ký bản-ký toàn-thư*, *Trần kỷ* ; *Đại Việt sử-ký chính-biên* ; *Khâm-định Việt-sử Thông-giám cương mục*, quyền 5-6).

Số 26

Còn tác-phẩm của ngài nay còn những gì ?

Theo *Đại-việt sử-ký toàn-thư*, *Thánh đẳng ngữ lục* và *Toàn Việt thi tập*, v. v., thì vua Trần Thái có những tác-phẩm này hoặc làm ra sau khi vạ cơ nhân hạ hoặc sở đắc ở những lúc thành tâm tu trì :

1) Bài *minh* do chính ngài viết ban cho các hoàng-tử để dạy về *trung, hiếu, hòa, tẫn, ôn, lương, cung, kiệm* (Nguyên-phong nguyên niên, 1251).

2) Bài *bia* đền sinh-từ ông Trần Thủ-Độ do chính ngài soạn để tỏ ý sùng ái Thủ-Độ một cách khác thường. (Khâm-định Việt-sử thông giám cương mục, chính biên quyền 7, tờ 6).

3) Hai bài thơ (5) còn sót lại : *Tống Bắc-sử Trương Hiến-khanh* và *Kỷ Thanh-phong am tăng, thỉnh chính* (có chép trong *Toàn Việt thi tập*, v. v.).

4) *Văn tập* một quyền (6).

5) *Thiền-tổng chỉ nam ca* một quyền (7).

6) *Thiền tổng khóa hư* mười quyền (8).

Sau khi đã kể xong cái bản thống-kê nhỏ về tác-phẩm của ngài rồi, ta thử dựa vào những áng văn của ngài còn sót lại mà phân-tích sơ qua.

Trong vua Trần Thái, ta nhận thấy ngài vừa là nhà thơ, vừa là nhà triết học.

Thơ ngài chẳng những đã đi sâu vào chỗ xảo-diệu của từ chương, mà lại tặng người đọc một thứ

hương-vị của nhà đạo-học nữa. Như hai câu *tam, tứ* trong bài *tiễn sứ Tàu* là Trương Hiến-Khanh (9) :

« *Mã thủ thu phong xuy kếm giáp.*
« *Ốc lương lạc nguyệt chiếu thư am* ».

Dịch :

« *Đầu ngựa, gió thu phào kiếm giáp* (10).
« *Sà nhà, trăng lặn chiếu thư am* ».

Hai câu ấy có một ý man mác tiếu biệt tràn-trề ra ngoài lời nói khiến trong lúc khách lên ngựa, chủ dừng chân, đôi bên không khỏi bồi-ngùi vì chén quan hà ngày-ngất.

Lại như câu :

« *Phong dã từng quan, nguyệt chiếu đình,*
« *Tâm kỳ phong cảnh cộng thể thanh* » (11).

Dịch :

« *Cửa thông, gió đập ; sân, trăng soi...*
« *Như cảnh, lòng mong cũng mái ngồi* ».

Hai câu trong bài gửi cho vị sư ở am Thanh-phong ấy, tác-giả đã tả được cái êm-dịu, cái thanh-thú của cảnh nhà chùa, mà lại biểu-lộ được cái tâm-hồn những muốn lâng-lâng sạch bụi.

HOA-BẰNG

Còn nữa

1) Trương Hanh (người Trường-tân thuộc Hồng-châu) và Lưu Đạm đỗ đệ nhất giáp ; Đặng Diển và Trịnh Bân đỗ đệ nhị giáp ; Trần Chu-Phổ, (người Tế-giang thuộc Bắc-giang) đỗ đệ tam giáp.

2) Nguyễn Hiền (người Thượng-hiền thuộc Thiên-trường) đỗ trạng-nguyên ; Lê Văn-Hưu (người Đông-sơn thuộc Thanh-hóa) đỗ bằng-nhơn ; Đặng Ma-La (người Chương-đức thuộc Sơn-nam) đỗ thám-hoa.

3) Ngô Tần (người Trà-lộ) trúng giáp-khoa ; Đào Diển, Hoàng Hoan

(đều là người Thanh-hóa) và Vũ Vĩ-Phụ (người Hồng-châu) trúng út-khoa.

4) Khoa ấy, Trần Công-lạc, người Thanh-lâm thuộc Hồng-châu, đậu Kinh trạng-nguyên ; Trương-Sơn người Hoành-sơn thuộc Bắc-giang, đỗ Trại trạng-nguyên, Chu Hinh, người Tế-giang thuộc Bắc-giang, đậu bằng-nhơn ; Trần Uyên, người Đường-bào thuộc Hồng-châu, đậu thám-hoa và 43 thái-học-sinh.

5) Bài « Văn học sử » trước đăng ở T. T. số 45 trang 14, cột 2, in lầm là « còn 1 bài ». Luôn dịp xin đính chính cả mấy chỗ in sai ở cùng bài ấy : trang 15 cột 2, giòng 17 : « *Hải khẩu hồ dục* » sửa là « *Hải khẩu hồ dục* » ; cột 3, giòng 18 : « *Trần kỷ* » sửa là « *Trần kỷ* ».

6) Tập văn này thất truyền rồi. Không rõ có kể cả thơ vào đó không.

7) Trong *Thánh đẳng ngữ lục* chép rằng : vua Trần Thái thường đọc kinh *Kim cương*, đến câu « *ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm* », ngài trầm mặc ngẫm nghĩ, rồi khoát nhiên đại ngộ. Ngài bèn đem những cái minh đã ngộ ấy mà làm ra « *Thiền tổng chỉ nam ca* ». Không rõ tác-phẩm này hiện nay ở bên nhà chùa có còn giữ được không. Tôi có được đọc cuốn « *Trần triều thiền tông chỉ nam truyền tâm quốc ngữ hành* », thấy không phải là bài ca trên.

8) Bản Khóa hư ở các chùa bấy giờ chỉ có ba quyền, thượng, trung, hạ.

9) Nguyên văn bằng chữ hán, toàn bài như vậy :

Cổ vô tằng báo từ hoà tâm,
Cực mục giang cao, y bất khám !
Mã thủ, thu phong xuy kiếm giáp.
Ốc lương lạc nguyệt chiếu thư am.
Mạc không nan nhậm nhậm quy bắc.

Địa noãn sâu văn yển biệt nam.
Bắc khứ, vị tri khuynh cái nhật,
Thi thiên liễu vị đáng thanh đàm.

10) *Kiếm giáp* nghĩa là cái đai gươm ; ở giữa khoảng lười và chuôi gươm.

11) Còn hai câu nữa :
« *Cá tang tư-vị vô nhân thức* »
« *Phó dĩ sơn tăng lạc đáo minh* ».

Thời-đàm

MIỀN NÚI CAUCASE (1)

NHẬT-NHAM

CAUCASE là một dải núi dài 1200 cây số, đứng giữa hồ Caspienne và Hắc-hải, có nhiều ngọn rất cao như Elbronz cao 5630 thước tây, Kasbeck cao 5050 thước tây.

Hai bên chân núi Caucase có tất cả 14 khu-vực do Nga cai-trị, gọi chung là miền Caucase, với 11.735.000 người Caucasians. Các thị-trấn quan-trọng là Stavropol, Derbent, Bakou, Tiflis, Batoum, Erivan và Kars.

Vì địa-thế ở giữa Hắc-hải và hồ Caspienne, lại giáp giới mấy nước như Thổ-nhĩ-kỳ, Nga-la-tơ và Ba-tư, vì có nhiều sản-vật thiên-nhiên, nên miền Caucase có một địa-vị rất quan-trọng trên trường quốc-lộ.

Sau bao nhiêu cuộc chiến-tranh khốc-liệt, người Nga mới chiếm được miền Caucase : trong vòng nửa thế-kỷ (1832-1879), quân-đội Nga (12 vạn người) phải hết sức chiến-đấu mới chinh-phục nổi dân sơn-cước vùng Daghestan theo đạo Hồi và hàng được tướng Schanly-Ali. Phía nam miền Caucase, người Nga chiếm xong xứ Géorgie, bèn lần lượt khai chiến với quân Ba-tư (1813 và 1828) và quân Thổ-nhĩ-kỳ (1829 và 1878) đều được thắng-lợi và làm chủ xứ Arménie.

Tới đầu thế-kỷ thứ 20, miền Caucase, nhờ có nhiều mỏ dầu, mà trở nên một khu-vực rất phồn-thịnh của nước Nga Sô-viết.

Hai nơi sản-xuất nhiên dầu nhất là Bakou trên bờ hồ Caspienne và Grosnyi ở chân núi Caucase phía bắc. Trước hồi Âu-chiến 1914-1918, các giếng dầu Bakou đủ cung cho miền Nam-Nga, miền lưu-vực sông Volga, miền duyên-hải Caspienne, miền Transcaucase và miền Transcaspië, lại còn thừa dầu xuất-cảng sang Thổ-nhĩ-kỳ và các nước Âu-châu.

Nhờ có mỏ dầu Bakou mà các miền lân-cận trong đất Nga ngày thêm phồn-

thịnh, nền kinh-tế nhờ đó được mở-mang.

Còn các giếng dầu Grosnyi, vì mãi sau mới phát kiến được, nên đến hồi Âu-chiến 1914 mới bắt đầu khai-thác.

Từ lâu, người Đức vẫn tìm một con đường mới thẳng tới Ấn-độ. Dưới mắt Chính-phủ Bá-linh, miền Caucase có một địa-vị rất quan-trọng trên đư-đồ thế-giới : một dải núi trùng trùng điệp điệp làm địa-giới giữa xứ Tây-Á và Trung-Á ; một bức trường-thành kiên-cố ngăn cách hai châu Âu, Á ; một nơi gặp-gỡ các đường hỏa-xa Thổ-nhĩ-kỳ, Nga-la-tư và Ba-tư.

Ngay tháng Janvier 1918, những sĩ-quan Đức đã xui-giục các bộ-lạc miền bắc Ba-tư nổi loạn. Một đạo quân Thổ miền Caucase đứng đầu cuộc biến-động, đánh nhau với dân xứ Arménie, chiếm thành Erzeroum, Sarikamich ; sau lại khai chiến với dân miền Géorgie, lấy được thị-trấn Batoum trên bờ Hắc hải. Trong khi ấy, quân-đội Đức tập-trung tại Odessa và nhiều viện-binh Thổ-nhĩ-kỳ cũng sẵn-sàng chờ ở đô-thành Constantinople, đợi lệnh đề đáp tâu sang Caucase.

Trung-tuần Septembre 1918, chương-trình của Đức sắp có kết quả mỹ-mãn, thì một sự không ngờ, xảy ra làm cho cái dự-định ấy không thể thực-hành được triệt-đề. Chiếm được thành Bakou, quân Đức phải ngừng tiến trên mặt trận Caucase và rút về giữ chiến-tuyến Pháp.

Rồi kể đến sự thất-bại của Đức tại Âu-châu.

Sau cuộc đình-chiến giữa Đức với đồng-minh, lại đến lượt chính-phủ Mạc-tư-khoa chú-ý đến vấn-đề Caucase. Nga đứng đầu phong-trào liên-lạc dân Hồi-giáo để chống lại Anh và đồng-minh, mục-đích muốn uy-hiệp Anh về mặt Ấn-độ, đẩy dân Hồi và Ấn-độ nổi lên đánh người Anh.

Hội-ngộ Bakou họp tháng Septembre 1920 do Chính-phủ Mạc-tư-khoa triệu-tập tất cả đại-biêu dân Hồi, mỗi năm sau, mới tuyên-bố với Âu-châu sự đồng-minh Thổ và Nga để chống lại chính-thề đế-hộ Anh tại Ấn-độ.

Thế là sau cũng như trước cuộc đình-chiến, miền Caucase là trung-tâm của sự hoạt-động phái Hồi-giáo và Nga. Không những Đức muốn bành-trướng thế-lực sang Đông-Á và Trung-Á, mà Nga lại còn hơn thế, muốn đi thẳng tới Ấn-độ. Như vậy hình như Đức đã nhường cái chương-trình của mình cho Nga Sô-Viết : chiếm miền Caucase là cái quan-ải trên đường giao-thông Âu-châu với Á-châu, rồi tràn sang đất Á.

Người Anh bị phong-trào liên-lạc các dân Hồi-giáo uy-hiệp tại Ấn-độ, bèn kéo quân sang Đông-Âu, công-phá các cơ-quan phòng-thủ tại Constantinople và Caucase, chiếm các miền Syric, Mésopotamie, Ả-rập, Palestine làm chủ cả miền Cận-Đông.

Sau cuộc hòa-trước, Anh được quyền chiếm đóng Thổ-nhĩ-kỳ và Caucase về phương-diện binh bị.

Năm được thành Mecque là trung-tâm của đạo Hồi, Anh lợi-dụng đặt phong-trào Hồi-giáo dưới quyền mình, cử lấy một vị giáo-hoàng ở Mecque, đứng đầu tất cả tín-đồ Hồi-giáo.

Theo chương-trình Đức, thì quốc-vương Constantinople làm chủ Hồi-giáo.

Muốn thực-hành một cách tự-do và triệt-đề cái chương-trình liên-lạc Hồi-giáo của mình, Anh cần được đứng độc lập tại Syric, Cilicie, Thổ và Mossoul. Nhưng việc chiếm đóng miền Caucase về binh-bị, việc tổ-chức chính-thề dân-

1) Xem lại bài « Từ bán đảo Crimée đến miền núi Caucase » ở T. T số 25.

Ô mai Tiễn Lợi
ngon lành

Và lơ Tiễn Lợi
nổi danh ở đời

Bốn trăm linh bảy
Bạch-mai. Hỏi thăm cho
đến tận nơi mua dùng

Thông-chế PÉTAIN đã nói:

« Hỡi dân Pháp, sắp hàng vào mà ủng-hộ Bản-chức, bởi chung các người đã cử ta làm quốc-trưởng. Các người hãy dẹp mọi lời chê-bai, để cho Chánh - phủ được dễ-dàng làm việc »

tại Géorgie và Arménie là những duyên-cớ để phái Hồi-giáo chống lại người Anh và làm ngăn-trở sự hợp-tác giữa Anh và Hồi-giáo.

Gặp nhiều nỗi khó-khăn trong việc nội-trị, lại đứng trước một phong-trào phản-động của phái Hồi-giáo tại Ai-cập, Mésopotamie, Ấn-độ, người Anh nhất định rút quân khỏi Caucasé trong vụ hè 1919, để nối lại tình bang-giao với Nga về việc thương-mại.

Miền Caucasé mới thoát-ly khỏi Chính-phủ Anh được ít lâu lại làm mối cho hai dân-tộc Nga-Thổ xâu-xé. Hai tay cừu địch từ thế-kỷ trước lại xuất-hiện trên miền Caucasé, để hành-trướng thế-lực mình và làm trở-lực cho cuộc hành-trướng thế-lực bên địch.

Trong các khu-vực có quân Nga chiếm đóng, nổi lên phong trào phản-động ngày càng kịch-liệt. Dân Hồi phản-kháng lại những sự uy-hiếp của quân-đội Nga. Nga nhất định đánh miền Géorgie.

Ngày 12 Février 1921, trong một ngọn núi Caucasé về phía Nam tỉnh Tiflis, quân-đội Géorgie xung-đột với quân-đội Arménie của Nga. Quân Nga khai chiến ngay và kéo thắng đến Tiflis. Tuy quân Géorgie kháng-chiến mãnh-liệt nhưng kinh-thành Tiflis cũng bị Nga chiếm ngày 25 Février 1921. Từ Tiflis, quân Nga tiến đánh Batoum. Trong vòng non một tháng, Batoum lọt vào tay quân đội Nga.

Quân Nga đi tới bờ Hắc-hải. Từ Bakon đến Batoum, người Nga làm chủ miền Caucasé.

Thổ thấy Nga thắng-lợi, sợ một ngày không xa, sẽ đem thế-lực uy-hiếp mình, bèn hết sức ủng-hộ các miền theo đạo Hồi tại Trung-Á và Turkestan để làm trở-lực cho cuộc hành-trướng của Nga tại Á-châu.

Mùa xuân 1921, Nga thực-hành chương-trình đánh Ấn-độ.

Thổ ủng-hộ miền Caucasé chống lại Nga, làm thành một bức lũy kiên-cố ngăn đường tiến quân của Nga sang Á.

Thổ và Nga sắp quyết-chiến, nhưng lại dẫu xếp được ngay.

Hòa-uớc ký tại Kars tháng Octobre 1921 giữa Mạc-tư-khoa, Angora và các miền Caucasé, cho Thổ được khôi-phục lại địa-giới trên đất Arménie của Nga theo như hòa-uớc Batoum ký tháng Mai 1918. Mà hòa-uớc Batoum ký giữa Thổ và các xứ Caucasé cũng chỉ là những điều-kiện của Đức trong hiệp-uớc Brest-Litoviste đem ứng-dụng cho miền Caucasé.

Xem như thế, đủ biết sau bức màn sân-khấu Caucasé, vẫn có Đức chủ động.

Tại sao Đức chú-ý luôn đến miền Caucasé? Chắc các bạn đọc cũng như tôi có thể trả nhời một cách rất dễ-dàng: vì Đức muốn chiếm những suối dầu vô-tận để cung cho cơ-khí của nước mình.

Sau khi khai-chiến với Nga, Đức đã từng nghĩ đến cuộc tấn-công vào Caucasé, nên hai mặt cho quân mở đường tiến đánh. Phía bắc, trên đồng-bằng Ukraine, phía đông, trên bán-đảo Crimee Đức đã chiếm được nhiều địa-lợi và sắp-sửa đánh thẳng vào miền Caucasé thì gặp mùa đông tới; quân Nga phản-công lấy lại được nhiều trấn, nên cuộc tấn công vào bị đình-lệ.

Trong khi ở phía đông, Nhật sắp tiến quân sang Ấn-độ và ở phía tây Đức tìm một đường xuyên sang Á để liên-lạc hai chiến-tuyến của phe trục, cuộc tấn công của Đức trong mùa xuân sắp tới sẽ đặt vấn-đề Caucasé lên trên các vấn-đề cần giải quyết.

Một bên, Đức nhất-định chiếm Caucasé là nguồn dầu vô-tận để khuyếch-trương nền kỹ-ngệ chiến-tranh cần cho sự bảo-vệ đất nước và tăng lực-lượng của mình trên trường quốc-tế.

Còn một bên, Nga dù phải hi-sinh đến đâu cũng nhất định giữ vững những giếng dầu đã chiếm trong 20 năm nay đủ cung cho kỹ-ngệ cơ-khí của Nga.

Hai bên sẽ hết sức trung-thành với nhiệm-vụ của mình và giữa hai bên, sẽ có cuộc xô-xát vô cùng mãnh-liệt quanh miền Caucasé.

Cả thế-giới đương chú-ý đến miền núi Caucasé, vì tại Caucasé, sẽ kết-liệu cuộc chiến-tranh Nga-Đức mà có nhẽ cả cuộc chiến-tranh thế-giới nữa cũng nên.

NHẬT-NHẠM

Tin mỹ-thuật

Phòng triển lãm của ba nhà nhiếp-ảnh Nghị, Tranh và An

Nhiếp ảnh là nghệ thuật dùng ánh sáng để tạo tượng hình hay để họa một bức tranh. Chỉ đen và trắng mà các nghệ-sĩ nhiếp-ảnh đã khéo-léo tả nên được hình dung tuyệt-mỹ, những bắp thịt mềm-mại, những nét mặt thâm-trầm. Hiểu vậy, ba nhà nhiếp-ảnh có tâm hồn nghệ-sĩ đã khôn- khéo thu được những tác phẩm có giá-trị mà bày ở đường Cột-cờ đã hấp dẫn biết bao khách thăm-mỹ đến thưởng ngoạn.

Đứng trước những tác-phẩm đó, ta thấy ống ảnh là con mắt của họa-sĩ, là giác quan thứ sáu của nhiếp-ảnh gia dùng để phỏ lên giấy những cảm-giác bị quyến-dũ trước những hình dung đẹp-đẽ.

Những bức « mỵ xuôi », « bản lay », « chân dung », « chiếc mảnh mảnh » đều có một vẻ đẹp thâm kín dịu-dàng của một tâm hồn cao quý.

Bức « bên Đà-nẵng » bức, « trong rừng » là một bài thơ tả cảnh thiên nhiên ví-đại.

Nghị, Tranh và An, ba nhà điêu khắc bằng ánh sáng, đã diễn lên nét mặt linh hoạt đầy ý nhị, những linh hồn có tâm tư.

Hãy gắng lên, các bạn! Hãy cùng nhau hiệp lực để đi đến một nghệ-thuật cao siêu của nghệ nhiếp-ảnh.

Họa-sĩ TRỊNH-VĂN

Nam. Mên, Lào cứ theo đời Văn - minh Pháp, mà chẳng phải quên hoàn cảnh hay trái với nền nếp của tiên nhân. Đông-dương Học-Xá là cái đình hội-hợp của các bậc anh tài của năm xứ.

Tin văn hằng tuần

BÔNG-DƯƠNG

Về vụ phi-cơ Tàu đến Gia-lâm bữa 12 Mai 1942, có 4 người Nam bị chết và năm người bị thương. Các nhà cầm quyền đã định liệu việc giúp đỡ những gia đình bị nạn ấy.

Hôm 13 Mai, Tòa Án Đại hình đã biệt đã xử phạt ông An-Po 1 năm tù và 6 vạn đồng.

Hôm 16 Mai, vàng Laokay bị máy bay từ biên-giới Tàu bay sang ném bom: 7 người chết, 1 người bị thương!

Nội-các-Huế đã thay đổi:

Ô. Ung-Úy: bộ Lễ kiêm bộ Công.

Ô. Trần thành-Đạt: bộ Quốc-gia giáo-dục.

Ô. Trương như-Định: bộ Kinh-lố.

Ô. Phạm Quỳnh: bộ Lai.

Ô. Bùi bằng-Đoan: bộ Hình.

Ô. Hồ đắc-Khải: bộ Tài-chính.

Hôm 13 Mai, tại Saigon đã có cuộc hội họp của các ông chủ nhiệm các báo-chi Pháp Nam xuất bản ở Nam kỳ để ấn định giá bán báo trong Nam như sau này:

Nhật-báo viết bằng Pháp-văn ra 4 trang bán 0p20 một số.

Tuần-báo viết bằng Pháp-văn ra 4 trang mỗi số bán 0p20.

Nhật-báo viết bằng Quốc-văn ra 4 trang bán mỗi số 0p10 và ra 2 trang mỗi số bán 0p05.

Tuần-báo viết bằng Quốc-văn ra 4 trang mỗi số bán 0p10.

Nghị định ngày 5 Mai của quan Toàn quyền định rằng tại các trường trung-học Bảo hộ (Hanoi) Khải-định (Huế) và Pétrus Ký (Sai-gon) sẽ mở một lớp Cồ điền Viễn đông dạy chữ, tiếng và văn chương cồ-điền Trung-hoa cùng Hoa-Việt.

Lớp này sẽ mở từ vụ khai trường về niên-khoá 1942-1943, dạy cho bậc trung-học. Môn này sẽ có hạch trong kỳ thi lấy bằng Tú tài.

Trong các năm 1941, 1942, lớp này chỉ mới dạy cho học-sinh lớp thứ 6 được thôi.

QUỐC-TẾ

Hoa-kỳ đã đem nhiều quân và chiến-cụ sang Tô-cách-lan (Irlande).

149 256 quân Nga bị bắt ở bán-đảo Kertch.

Quân Nhật đang tấn công ở Chiết-giang và cho phi-cơ đánh rất dữ các nơi căn cứ không quân ở Quảng-tây. Có tin Nhật sẽ tiến quân từ các tỉnh Tuy-viễn, Sơn-tây, Hà-nam, Chiết-giang, Hồ-bắc, Quảng-đông và Vân-nam đánh vào Trùng-khánh.

Cửa bờ Moersby bị ném bom dữ. Vì hôm 10 Mai ở Paris đã xảy ra vụ mưu-sát một nhân-viên trong quân-đội Đức và cũng ngày đó ở Paris lại có một vụ bom nổ ở một tòa nhà có quân-đội Đức đóng nên 5 người bị xử bắn.

Ý đánh đắm được chiếc chiến

hạm Maryland của Hoa-kỳ, trọng tải 32.500 tấn.

Mỹ phái 4 sư đoàn sang Syrie và miền Cận-đông.

Thánh Gandhi khuyên Trung-hoa nên giảng-hòa với Nhật.

Chiếc tàu ngầm « Surconf » của Pháp bị Anh chiếm đoạt vừa bị đánh đắm ở Đại tây dương.

Phái Hà ứng Khâm đổ lỗi cho việc quân Tàu bị bại trận ở Diến-diên là do các tướng Trần-Thành và Trương Phát-Khuê. Nhiều giới người Tàu vận động đánh đổ Khổng Tường-Hy thuộc phái thân Mỹ. Có tin Tưởng giới-Thạch sắp sang Mỹ.

Đón coi

Tuần sau (T. T. số 48) nhằm ngày đệ nhất chu niên của Tri-Tân, Tri-Tân sẽ đăng bài trùng giải nhất cuộc thi lịch-sử ký-sự do bản-chi tổ-chức.

Trong số ấy sẽ có nhiều bài vui-vẻ, hoạt-động và mới-mẻ.

Đến số chuyên-san về triều Gia-long (T. T. số 50) sẽ ra mắt các bạn thân yêu những bài như:

Nỗi lòng Tố-Như... của Kiều Khanh-Quế.

Quan Thượng Nguyễn Gia-Phan với vua Gia-long của Trúc-Khê Hậu quân Lê Chất

của Nguyễn Triện và nhiều bài đáng đọc nữa.

Hộp thư

Ô. Lê-Ánh, Faifoo. — Tiền cước gửi có 0p13 thôi, chứ đâu phải là 9p13 như ông đã nhận lầm. Đã nhận được ngân phiếu 0p50 của ông trả về 3 số báo.

Ô. Dương ngọc-Hồ, Ninh-hòa. — Đã nhận được ngân-phiếu 3p63. Xin cảm ơn.

Ô. Trần ngọc-Sang, Vĩnh-gén. — Vẫn gửi báo như thường. Đã nhận được ngân-phiếu 1p80. Xin cảm tạ.

Ô. Nguyễn Hoàng Tư, Saigon. — Đã nhận được ngân-phiếu 1p.80 về tiền mua ba tháng báo. Kịch « S. C. D. » sẽ đăng vào số sinh-nhật của T. T. Xin cảm ơn.

Bạn Khổng Việt, Saigon. — Đã tiếp được bài « X. H. T. T. N. K. » Đa tạ.

Đã có bán

Loại sách Quê Hương

I

TRAN-CAN

(Kèm thêm Lý Chiêu-Hoàng)

Vở kịch dài đầu tiên bằng thơ trong thi-giới Việt-Nam.

(Đã diễn ba lần tại Thanh-hóa 3-2 40 Bắc-ninh 25 3-40 ;

Vinh 8-242 ; kết quả đều rất rực rỡ)

Một thi-phẩm tuyệt tác (Hải-Triều)

của PHẠM KHẮC KHOAN

Người đầu tiên chuyên viết kịch dài bằng thơ theo sự-tích của Quê Hương đất nước

Tổng phát hành : HÂN-THUYỀN xuất-bản-cục

53, Rue Tien-Tsin — Hanoi

Bài trúng giải nhì cuộc thi Đa-hòa

Nghe đến chánh Đa-hòa mở hội
Tắm lòng thành khắc-khoải mong đi.
Trữ-tiền linh-tích còn ghi,
Nam thiên bất tử bốn vì một đây.
Hôm khởi hành gặp kỳ xuân mộ:
Tự thành Nam xe hoả ngược lên
Hà-nam rồi tới Phú-xuyễn
Võ-lăng, phố Tía lần lên phủ Thường.
Xưởng ga, sẵn xe hàng chục đó,
Thuê xe vào bến chợ Vân-la
Đò ngang đứng-dừng chèo qua,
Bên kia sông ấy tức là tiền cung.
Nhìn phong cảnh: non Bồng, nước
Nhuộc,
Ngắm dân thôn ngõ múa, đường ca.
Chinh nơi sở tại Đa-hòa
Trên là chợ Mỗ, trong là phủ-nha.
Kìa dấu cũ cầm hồ Hàm-tử;
Nọ vết xưa đoạt sáo Chương-dương.
Tự-nhiên bãi cát vàng vàng,
Bóng thuyền để tử trở lại dương xa xa
Vàng Gĩa-trạch xanh ngó, vàng lúa,
Nhận lơ-mơ chốn cũ lã-đài.
Hai ngàn năm trước đến nay,
Dấu tiền phảng-phất nơi này chưa lìa.
Xét thần-tích trong U-linh chi,
Ở vào đời Hùng-quá nước ta;
Một nhà con có một cha
Sinh nhai trên bến Trữ-gia-tân này.
Con niếu thảo đêm ngày hết bụng,
Cha chẳng may khuất bóng non thân,
Lo toan táng liệm ân-cần.
Thấu trời lòng thảo muốn phần
xót-xa!
Cơ tác hợp trời già cũng ngộ:

Bồng một hôm, chúa ngự thuyền chơi,
Gặp nhau cá nước duyên hải,
Ba sinh hương lửa nhớ lời nguyện
xưa,
Vốn hò hẹn đã từ tiền phủ,
Đáng kiếp này tơ đỏ mới se,
Sắt cầm vui chữ « xướng tỳ »
Quỳnh-am kết bạn ta-tri mấy năm.
Học thành đạo, tinh thắm mọi pháp,
Đem phép tiên độ khắp bần dân:
Đau, cho thuốc; đói, cho ăn;
Hung hoang, dịch lệ trông dân hộ-tri...
Hai bảo-bối gầy gò, non lá
Hóa phép thành quảng-hạ, cao lâu;
Non sông gấm vóc một màu,
Thái-bình cảnh-sắc dễ dãi sánh tày!
Miền hương-ấp, nhân ngày du-ngoạn,
Dayên kỳ-phùng may-mắn lạ sao!
Tây-nương cũng bạn tiên-tào:
Gặp nhau gần-bó tất-giao một lòng.
Cung iự muội thiên-cung kiếp trước,
Lại chung lo khăn lược một nhà;
Khắc loan một vương, hai hòa,
Gió trăng vui thú, cỏ hoa dãi tình...
Kỳ phục mệnh để dành vừa đúng,
Mọi đêm kia, xe phụng, về trời,
Trên mây, ngoài gió thềnh-thời,
Gót liềm thoán-thắt vượt ngoài trần-
ai.
Cả lán, điện, đền, đài lác trước
Cũng biến ra bùn nước khắp nơi.
Linh thanh hiển-hách đời đời,
Muốn thu hương khói, một nơi miếu
từ.
Trong dân-xã cầu gì được đó,

Công độ-tri vật phạ, nhân khang.
Sắc phong thượng đẳng rõ-ràng,
Lịch triều bao tặng huy-hoàng ^{đông}
chương.
Nào khi giúp Triệu-vương Quang-
Phục;
Một đoàn thuyền độc-mộc tiến công
Đầu-máu nhờ có móng rồng
Người Lương, tướng mạnh, quân
hàng, phải thua!
Nào khi giúp bình Ngô, dẹp loạn;
Điềm ehiêm bao tới Nguyễn, vua Lê,
Lam-sơn ngộ-hợp lạ-kỳ,
Quả nhiên đại định thu về nước non...
Chuyện linh-đăng kể còn khôn xiết,
Bia miệng người tạo biết bao nhi-
ều.
Uy-linh lâm-liệt đường nào,
Tỉ dân, hộ quốc, công cao, đức dày!
Ngắm cho biết đạo ngài tiên phật
Chỉ một lòng cứu tửt sinh-linh,
Sống khôn mà khuất cũng linh,
Nước mình cạy sức, dân mình đời ơn.
Khi còn sống, tu thân, học đạo,
Đem đạo mình cải tạo nhân-sinh.
Khuyết đi, cũng chẳng vong linh,
Trở lại, hân hoan rành-rành hiện-linh;
Lợi không thiệt mà danh chẳng
tưởng,
Sạch lảng-lảng chẳng vương bụi đời.
Trắng ngàn, gió núi thanh-thời,
Vui trong lâm-tĩnh là vui tuyệt trần.
Vui vì giúp được dân, được nước,
Thỏa tấm lòng nhân-đức thanh-cao.
Trăm sông, vạn lạch tuôn-dào,
Muốn loài tươi tốt, bề nào có khoe?
Hoa đua nở và ỉg hoe, đỏ khê,
Ông Xanh kia sá kể làm công?
Trời cao, bề rộng mênh-mông;
Lòng tiên lòng phật cũng lòng ấy thôi.
Trên tiền cảnh, hân ngồi không nở
Ngó dưới trần máu nhỏ, xương rơi,
Gió gươm, mưa đạn khắp trời,
Cổ Nam riêng lọt vòng ngoài can-
qua.
Hân ủng-hộ có nhờ Thần lực,
Thấm kiếp này không mắc là may.
Dám mong mô lượng cao dày,
Xui cho chong-chóng đến ngày nhĩ
bình.
Suốt muốn nước hòa-bình khỏi phạ,
Hóa bình đạo ra đức cây bina,
Tứ dân lạc nghiệp, an cư,
Năm năm mở hội đa ca thái-bình.
TỪ-LONG
Hà-nội

Bản - chí - khái - sự

Vì nay công thợ cao, giá in đắt, tiền gửi báo cũng tăng, nên nhà báo gặp lắm bước khó khăn hơn trước nhiều. Vậy dám mong các bạn đọc-glá và các nhà đại-lý sốt sắng về sự trả tiền cho.

Mua báo, xin kể từ ngày mừng một hoặc ngày rằm từ tháng bắt đầu cho tiện việc sổ sách.

Riêng với các bạn nam nữ học-sinh các trường công tư, bản chí xin tình một giá đặc-biệt để tỏ ý khuyến khích về sự đọc báo quốc-văn.

TRI-TÂN tập chí

Du-kỳ

Sau tám năm trở lại thăm Laokay

Số 2

NHẬT-NHAM

Ô-tô lại trèo dốc. Trông xuống dưới, ruộng xếp từng hàng trên sườn núi, nhà của người Mèo làm ngay bên cạnh để coi lúa, ta có thể tưởng-tượng cuộc sinh-hoạt của giống người thổ-trước vất-vả đến nhường nào, một giống người đủ nghị-lực, kiên nhẫn, kinh-nghiệm và khéo léo.

Cách Chapa vài cây số, đã thấy có nhiều nhà gạch mới xây và vườn trại của người Âu mới khai-phá, trông có vẻ lạc-quan; một cảnh tượng phi-nhiên, đẹp đẽ của một vùng trời biên viễn.

Chapa ngày nay đã mở-mang hơn trước bội phần. Nhiều túp gianh đã nhường chỗ cho các nhà gạch đồ-sộ nguy nga; nhiều bãi cỏ rậm đã thành vườn rau xanh tốt; nhiều đường nhỏ hẹp nay đã mở rộng thành-thang và giải rựa sạch-sẽ.

Chúng tôi lưu-trú tại dinh ông Nguyễn-lai-Minh, bang tá Chapa.

Thăm các bạn quen, giong chơi các phố, chiều hôm ấy, chúng tôi đi vãn cảnh thác Bạc (Cascade d'argent).

Thác này cách Chapa non ba cây số, ở ngay chân núi Fan-si-pan là một dãy núi cao nhất Bắc-kỳ (3.142m). Thác trên cao đổ xuống, toé ra nghìn tấm bạc. Cảnh-trí thiên nhiên cực kỳ xảo-diệu. Sở Công-chính đã khéo lợi-dụng sức nước thác này để quay các động-cơ, đặt máy điện ngay chân núi Fan-si-pan. Điện đốn Chapa do sức điện trắng ở thác Bạc sản ra, sức sáng không kém gì điện các nơi. Thực là một sáng-kiến rất lợi cho nền kinh-tế miền này.

Đi chơi thác Bạc phải dùng ngựa; lóc đi, đường dốc xuống mãi chân núi; lóc về, phải đi ngược lên, nên vất vả hơn lúc xuống.

Chapa cũng có sông bạc. Tuy ông phủ sông là người Nam, nhưng

người làm công đều là người Hoa-kiền, vì khách trú rất am-hiễn việc trung-thần đồ bác. Sông bạc này là sông công-khai, to thừ tư trong tỉnh, sau các sông Laokay, Cốc-lưu, phố Mới.

Vì có sông bạc, nên cảnh-tượng Chapa cũng đỡ buồn tẻ đối với những người lữ-thứ có máu-mê đen đỏ.

Sáng hôm sau, yểm tâm xong, ngựa đã sắp sẵn, bốn người, bốn ngựa, gióng ruổi trên đường, thẳng tiến về vùng Mường hoà, thăm cảnh cầu Mây. Ngựa lững-lững bước một, ra khỏi phố thì theo quanh rìa núi, dần dần tiến lên. Trên cao trông xuống thung-lũng; ruộng lần lượt xếp từng hàng bậc, đường quanh co theo lối chữ «chữ» rừng xanh trắng điểm ít nhiều dòng nước, lại lơ thợt một vài nóc nhà gianh, xen lẫn với cỏ non xanh biếc, khác chi một bức tranh sơn thủy mãn hoa. Đường đi thực là hiểm-trở, vừa hẹp, vừa khắp-khênh những đá cũng mờ, và dưới tinh hang vơi hốc, trông sâu thẳm thăm. Đi qua mấy đôi cở, vòng quanh mấy quả núi thì chúng tôi bắt đầu xuống dốc và một chốc đã trông thấy sông Mường-hòa. Phát-nguyên từ núi Fan-si-pan, sông này là một chi nhánh sông Nhị hà, có nhiều thác và chầy qua hai cánh đồng. Về phía ấy là đông nam Chapa, sông Mường-hòa chạy qua giữa hai dãy núi rồi chảy xuống một cánh đồng bằng rộng rãi, có nhiều ruộng nương xanh tốt. Thoạt nhìn đã biết mùa màng vùng ấy họ trông nom rất cẩn thận và mất nhiều công phu lắm mới được thế. Chung quanh ruộng lúa trên các bãi có giống ngô đỏ.

Chúng tôi đi qua một xóm lơ thợt vài nhà, trước cửa có dán câu đối chữ nho viết giấy hồng điều.

Thấy khách qua đường, các thổ dân đều lễ phép cúi chào. Cảnh nhà lá suối, có cối đã gạo, dùng sức nước vận động, đó cũng là một cái trí thức tinh khôn của dân thượng-lu vậy.

Một quãng xa, tới cầu Mây thứ nhất. Cầu Mây này bắc qua sông Mường-hòa, dài hơn 50 thước tây. Cầu đan bằng song và gỗ, trên có giây treo. Thực là tinh xảo, khôn khéo và tiện lợi; người qua lại như đi trên đất vậy. Hỏi ra mới biết cầu này của tất cả dân vùng ấy làm đã lâu năm. Nhờ có cầu này mà cảnh thổ Mường-hòa có phần thêm vui, đứng trên cầu ngắm cảnh:

*Dưới sông cá nhẩy theo dòng nước;
Trên núi chim kêu tếch dậm mây.*

Vó kỵ giông cương, độ hơn một cây số nữa đến nhà thờ Mường-hòa. Chúng tôi xuống ngựa, thẳng đường dốc, tới thăm cầu Mây thứ hai. Cầu này có vẻ chắc chắn và rộng rãi hơn cầu thứ nhất. Hai đầu có hai cây cở thụ rườm rà xanh tốt, trên cành cũng buộc giây song treo cầu. Lại có thang bắc lên cầu cho khách bộ hành qua lại. Mấy năm trước tôi có thơ rằng:

*Trên cây lơ lửng mấy đường giây.
Tục gọi cầu Mây, chắc hẳn đây?
Mấy dịp gỗ ngang xen mắt cao;
Đoi hàng song thẳng néo cành cây.
Ven sông, cỏ mọc, màu xanh ngắt;
Mặt nước, mây in, sắc trắng phây.
Khen chiếc cầu này ai khéo bắc:*

Biết bao qua lại khách Đông, Tây!

Tôi chèo lên cầu, vịn lan can, đi lại rún rẩy, xem ra vững vàng, rồi đứng giữa cầu, ngắm trông phong cảnh có bề thanh thanh; chung quanh một vùng non nước bao la; thỉnh thoảng nghe tiếng vượn hót, chim kêu. Đối cảnh, sinh ra mến cảnh, tôi ngẫu hứng ngâm rằng:

Đoạt trông phong cảnh hữu tình,

Giang-sơn có ý dời mình điếm-lô...

Theo số phỏng đoán của sở Địa-dư thì quãng sông này cao hơn mặt biển chừng 1.200 thước. Ruộng nương cấy cấy giữa lưng-chừng sườn núi; từng cao hơn nữa là đất bỏ hoang, không có cây-cối mọc, chỉ có cỏ non để nuôi súc-mục. Trên đỉnh núi có rừng rậm, có nhiều thác và nhiều đá mọc treo-leo. Thác reo xuống qua các đồi núi rồi dần dần yếu sức mà hợp thành suối mà chảy ra sông Mường-hòa. Nhờ có nước suối ấy, các ruộng lúa trong vùng khỏi phải cái nạn khô-khan.

Theo tục dân thượng-du Bắc-kỳ, nhà vùng này không hợp thành làng, thỉnh thoảng lơ-thơ vài cái ở dưới chân núi. Nếu tính số kiến ốc thì vùng đó được độ ba mươi nóc nhà. Dân ở đây phần nhiều là người Mèo và lẫn một ít Mán, Thổ, có kỹ-mục, sào-phái, binh-dầu: giáp-trưởng trông nom dưới quyền phó-lý, lý trưởng và Bang-tá.

Lookay giáp Trung-hoa, có nhiều thứ thổ-dân: nào Thổ, nào Nhắng, nào Nùng, nào Sá, nào Tu-gi, nào Phá-gi, nào Phù-la, nào Quý-châu, nào Lự, nào Lào, nào Mèo, nào Mán, vân vân... Mà nhất là người Mán lại chia làm nhiều thứ: Mán Thao (trắng đầu) và Mán Lam-diễn (đỏ đầu) chiếm phần đông hơn cả các thứ Mán khác, mà ở lan cả sang địa-phận Vân nam, Còn phong-tục và cách ăn ở của người Mán đây, viết ra sợ dài quá, sau này có dịp sẽ xin tục đăng, đề độc-giả đồng-lãm. Người Mèo Mường-hòa cũng mới di dân đến đây mà toạ-hưởng các ruộng-nương của thổ-dân khác đã khai-khẩn hồi xưa. Hỏi ra lại biết rằng: trước kia vùng này đông dân-cư hơn nhiều và có chợ rất đông-đảo ở tả - ngạn sông Mường - hoà ngay đầu cầu Mây thứ hai, thuộc địa phận xã Hương-vinh.

Mà trước kia, người Tàu di-cư sang đó lập thành thôn-ấp, khai-khẩn ruộng nương và buôn bán, rồi sau dời đi nơi khác; cho nên phong tục cùng ngôn-ngữ cũ chỉ và giao thiệp của dân vùng ấy hơi giống người Trung-hoa,

Xem như thế, đủ rõ dân vùng này cũng đã được ảnh hưởng văn-minh của Tàu nhiều lắm. Có văn-hóa, có võ-công, có lễ-nghi, có trật-tự, biết sinh-nhai một cách êm-đềm, biết chế tạo những khí mành và các thức ăn mệo, thích thú đoàn viên, không ham danh lợi, ngày tháng chỉ bận cùng non nước. Thực là một dân tộc tự ta cho là trong cảnh Đào nguyên vậy.

Mãi vui ngắm cảnh, băng khuâng như tỉnh, như say một mình. Phút chốc mặt trời đâu đã đỉnh đầu nhờ rơi kỳ ngộ, khôn nữ dời chân. Anh em giục giã lên yên, «lòng buông tay khấu, bước lần dặm băng»...

Về tới nhà, gần trưa. Nghỉ ngơi, tắm rửa, vừa kịp cơm trưa.

Trong bữa cơm này, có vị nắm tươi rất thơm ngon. Nắm Chapa là một thực phẩm rất quý, trừ miền trên này được dùng ngay sau khi lấy ở rừng về, nên được tươi tốt; còn muốn đem đi xa, phải phơi thật khô. Vì vậy, ở trung châu ta, ít khi được dùng nắm tươi Chapa.

Ông Bang tá có cho chúng tôi biết đã thí nghiệm được cách ướp nắm tươi, đóng chai, gần si để hàng năm vẫn còn nguyên chất, đem đi xa đến đâu cũng không hỏng.

Khi sắp ra về, ông Bang tá có nhã ý tặng tôi mấy chai nắm đem về trung châu làm quà. (Sau đó một năm, tôi giở ra ăn, vẫn còn hương vị).

Ăn xong một lúc thì tan chợ Chapa; dân thổ trước lũ lượt ra về. Có mấy người vào mời bà Bang-tá mua vài Mèo. Nhân thế mà tôi biết được một thứ vải gai của họ tự chế ra bằng gai lấy ở rừng. Vải này đã trắng rất bóng và mịn mặt, nhiều người mua may quần áo thay vải tussor. Bà Bang cho biết: cứ đến vụ, nhiều bạn ở xa viết thư về nhờ mua nên giống Mèo quen khách hàng, cứ đến phiên chợ lại thì nhau đem vải đến tận nhà mời mua.

Xem thứ vải gai này mới biết người Mèo cũng có óc tinh anh, có thể dùng các thứ của Hóa-công đã dành riêng cho họ ở miền rừng núi.

Mỗi khi cần đến một thứ gì, họ lại nghĩ ra các phương pháp mà ta cho là xảo-diệu.

Chiều đến, mưa phùn. Đường đi phần nhiều là dốc. Chân đi giày tây xuống dốc thường hay bị trượt. Tuy mưa, chúng tôi cũng không bỏ phí thì giờ mà không dạo phố; vì ở Chapa mưa luôn, ít khi được ngày tạnh ráo. Trước khi ở nhà ra đi, chúng tôi đã thừa mứa cái can bằng song (do người Mèo lấy ở rừng đem về uốn cong), để chống đỡ những khi xuống đường dốc. Những can này, sau đem về trung-châu, các bạn tranh nhau chiếm phần.

Gần Chapa, có một khu rừng, cây cối lơ thơ. Chính phủ có đắp đường cái rộng rãi để khách du lịch tiện lối đi lại. Hai bên đường có suối chảy róc rách. Đi trong rừng này, tưởng tượng như Lưu-Thần, Nguyên Triêu lạc lối Đào nguyên. Cảnh trí tịch mịch, thông reo, nước chảy, «cỏ cây chen đá, lá chen hoa», tưởng như rừng Boulogne bên Pháp cũng đến thế này mà thôi.

Ra khỏi rừng, đã thấy những khu vực giống đào quả xanh trĩu trĩt. Đào Chapa đối với dân trung-châu mình là một sản vật rất được ưa chuộng.

Về qua một giòng suối, trên bờ cái song mọc xanh rì. Cái song trộn dầu giấm ăn với thịt bò rất ngon, thường dùng trong các bữa ăn của người Âu. Ít lâu nay, người mình cũng rất ưa chuộng thứ rau ấy.

Cái song mọc ở bờ suối, có nước chảy, đã xanh tốt, lại sạch sẽ. Tôi muốn, khi về trung châu, có chút quà tặng bà con, nghĩ không gì hơn một ít rau vì chẳng kém gì rau sắng chùa Hương.

Tới nhà, tôi nghĩ ý ấy với ông Bang-tá. Lúc ra về, đã có một lồng to rau cái song đủ đem về chia cho các bạn.

Ngày hôm ấy, vì đi lại nhiều, ai nấy đều có vẻ mỏi mệt, nên ngủ một giấc thực ngon.

Sáng hôm sau, cáo từ ông Bang-tá ra về.

Anh em xa nhau hơn tám năm

trường mới có ngày nay tái-ngộ, đã với chia tay, khỏi sao có vẻ bằng khuôn lưng-luẩn!

Ngồi trên ô-tô nhìn lại, đường đã xa mà bạn còn ngo-ngẩn trông theo. Hai bên cùng trông, trông càng xa. Con đường xa tít, non xanh mà mịt, cùng nghĩ đến thân-thể mình trên con đường sự-nghiệp còn xa...

Đường về đều xuống dốc, nên thi-giờ được nhanh chóng. Qua nửa đường trên một cành cây cổ-thụ có treo chiếc biển gỗ kẻ giòng chữ đại tự: « *An revoir! A l'année prochaine!* » và « *Partez! Et revenez!* »

Tới Laokay, tôi nhận được nhiều thiệp và quà tiễn lạng của các bạn quen-biết.

Sáng hôm sau, lên tàu xuôi. Ra tới ga, đã thấy đông các bạn đứng chờ. Nhiều bạn quá yếu, đứng chờ cho đến lúc tàu chạy khuất mới ra về... Đã yêu nhau thực không ai kể đến gang thước quan-hà làm chi!

Trước thái-độ ấy, tôi rất lấy làm cảm động. Vậy tiễn đây tỏ chút lòng biết ơn và ghi nhớ.

Ngồi trên xe, nhìn hai bên rừng núi, trông xuống giòng sông Thao tưởng nhớ đến những ai ở lại, có mấy câu lục bát ghi tình;

Đường về nhớ cảnh Lão nhai,

Nhớ non Đổ Lĩnh nhớ người hôn xưa!

Non sông còn đó trơ trơ.

Hỏi người non nước bây giờ nhớ chăng?

Cuộc đi chơi Laokay tuy ít ngày mà nhiều hứng vị.

Đại phàm người ta ăn ở với nhau cùng trong một khu vực thời tình chỉ có giới hạn; ở nơi khác cùng nhau thời thân tình lại hơn; càng ở nơi xa, lại càng thêm tình thân ái. Chơi Laokay có hứng vị một phần vì đó.

Hưng Vị! nên cuộc đi chơi Lao-kay đủ làm một thiên du ký vậy...

(Hết)

NHẬT-NHAM

Những ngày « lịch-sử » trong tháng Mai

I I

16, Mai 1942, *thứ bảy, 2, tháng tư, nhâm-ngọ*

Ngày nay, năm giáp thìn, 1884, Thống soái Millot ký nghị-định lập Hội đồng Chính phủ (Conseil du Gouvernement). Kỳ họp lần đầu vào ngày 4 tháng tư ta năm ấy.

17, Mai 1942, *chủ nhật, 3, tháng tư, n.n.*
Ngày nay năm bính-tí, 1516. Định quận công Phùng Trấn vâng lệnh vua Lê tương-Dực ra đánh Trần-Cao, bị tử trận.

18, Mai 1942, *thứ hai, 4, tháng tư, n.n.*

Ngày nay năm quí-mùi 1883, tướng Cờ đen là Lưu Vĩnh Phúc hạ chiến thư thách quân Pháp lên vùng phủ Hoài đức, Hà đông, Bắc-kỳ, giao chiến.

19, Mai 1942, *thứ ba, 5, tháng tư, nhâm-ngọ*

Ngày nay, năm tân-hợi, 1431, vua Lê thái Tổ nhận được ấn thư của Tàu công nhận và phong làm vua nước Nam.

20, Mai 1942, *thứ tư, 6, tháng tư, nhâm-ngọ*

Ngày nay, năm giáp thìn, 1904, đường xe hỏa Việt-tri — Yên-báy bắt đầu chạy.

21, Mai 1942, *thứ năm, 7, tháng tư, nhâm-ngọ*

Ngày nay, năm kỷ-hợi, 1599, vua Lê thế Tôn phong Trịnh Tùng làm Thượng phụ Bình an vương.

22, Mai 1942, *thứ sáu, 8, tháng tư, nhâm-ngọ*

Ngày nay năm quý-dậu, 1933, vua Bảo Đại thay hẳn tòa Nội các. Đặt 5 bộ: 1. bộ Lại, 2. bộ Quốc dân giáo dục, 3. bộ Tài chính, 4. bộ Tư pháp, 5. bộ Công tác.

23, Mai 1942, *thứ bảy, 9, tháng tư, nhâm-ngọ*

Ngày nay năm quý-dậu, 1873, Đô phò Nghĩa (Jean Dupuis), một thương gia Pháp, mang hình đến cửa đông thành Hà-nội, bách quan ta phải thả tên khách Bành lợi Ký và những người lái thuyền bị bắt vì đã liên can đến việc chở muối, gạo, súng, đạn lên Vân-nam.

24, Mai 1942, *chủ nhật, 10, tháng tư, nhâm-ngọ*

Ngày nay, năm quí-dậu, 1933, vua Bảo Đại có chỉ dụ cho phép đúc tiền thau « 1 xu ăn 6 » để lưu hành trong xứ Bắc-kỳ.

25, Mai 1942, *thứ hai, 11 tháng tư, nhâm-ngọ*

Ngày nay, năm bính-tí, 1516, Trần Cao chiếm được Kinh thành, lên làm vua, tự xưng là Thiên ứng

26, Mai 1942, *thứ ba, 12, tháng tư, nhâm-ngọ*

Ngày nay, năm quí-mùi, 1883, Đại tá Henri Rivière hạ lệnh cho các đạo binh sửa soạn đến hôm sau lên phủ Hoài đức giao chiến với quân Cờ đen.

27, Mai 1942, *thứ tư, 13, tháng tư, nhâm-ngọ*

Ngày nay, năm quí-mùi, Đại tá Henri Rivière bị tử trận trong khi giao chiến với quân Cờ đen ở Cầu giấy

28, Mai 1942, *thứ năm, 14, tháng tư, nhâm-ngọ*

Ngày nay, năm giáp thìn, 1784, quan Bạng nhỡn Lê quí Đón mất, thọ 59 tuổi.

29, Mai 1942, *thứ sáu, 15 tháng tư, nhâm-ngọ*

Ngày nay năm bính-tý 1516, vua Lê chiêu Tôn ở thành Tây đô (Thanh-hóa), sai Trịnh duy Sán đốc-xuất quân Tam phủ do đường Thiên quan (Nho quan) Ưng thiên (Ưng hòa) cùng tiến ra đánh Trần-Cao.

30, Mai 1942, *thứ bảy, 16, tháng tư, nhâm-ngọ*

Ngày nay, năm đinh-dậu, 1657 chúa Trịnh Tráng mất, thọ 81 tuổi. làm chúa 35 năm.

31, mai 1942, *chủ-nhật, 17, tháng tư, Nhâm-ngọ*

Ngày nay, năm giáp thìn 1884, nước Pháp và nước Tàu ký hòa ước ở Thiên-tân, bắt nước Tàu phải rút hết cả các binh lính đóng ở trong địa hạt Bắc-kỳ và phải công nhận những điều ước của nước Pháp ký với nước Nam.

(Hết)

LONG-ĐIỀN



THOÁT CUNG VUA MẠC

Số 20

CHU-THIÊN viết

Thấy hai nàng, vãi liền thưa :

— Bạch ti-khuru-ni, chả hay các người đã trụ-trì chùa nào chưa. Nếu chưa, xin các

người lưu lại ngay chùa này thờ Phật cho vãi tôi được hầu hạ thì hay lắm. Để vãi tôi xin chuyển báo các già trong làng.

Hai nàng đi lăm đã mỗi chân, và thấy cảnh chùa đẹp đẽ và tĩnh-mịch, muốn lưu lại ít lâu để xới rõ tình-hình trong vùng, liền vui-vẻ nhận lời ngay. Đêm hôm ấy hai nàng nói chuyện rất khuya với vãi già, hỏi thăm về vị lão tăng vừa quá-ổ, về tính tình phong-tục của dân làng. Sang hôm sau, vãi già dậy sớm sửa-sang chậu nước cho hai vị sư-cô xông đầu dấy, rồi đơn-đả chông gậy ra đi. Vừa bước chân ra ngoài đầu hè, lão liền quay lại nói với hai nàng một câu tâm-mật :

— Bạch hai ti-khuru-ni, con xin phép người vào trong làng nói với các già xem họ nghĩ thế nào, con sẽ về bạch lại với người. Xin người cư ở lại chờ con.

Liên-Tường tươi cười nói :

— Được, vãi cứ đi, nếu việc không xong, chiều chúng tôi đi cũng chưa muộn !

Rồi vãi già cầm gậy đơn-đả chạy ra cổng, đi vào làng.

Sau một lúc lâu, mặt g ời đã lên cao, mụ vãi chưa về, mấy già trong làng được tin đã kéo nhau ra chùa đơn chào hai vị sư-nữ :

— Nam-mô a di đà Phật ! Bạch ti-khuru-ni !

— Nam-mô a di đà Phật ! Bạch cao tăng !

— Nam-mô a di đà Phật ! Chào các tín-lão ạ !

Tiếng chào hồi nhao-nhao vang cả chùa lên. Rồi từ đấy lục-tục cứ kéo đến mãi những già là già. Đến lúc vãi già về, thì trong chùa đã đông những tín-lão. Vãi sun-soe ra vào hầu-hạ giặt nước cao già hốt lượt, rồi ngồi xuống một cái phản bên nói với mọi người, gọi đến đâu câu chuyện chính :

— A di đà Phật ! vãi tôi xin đỡ lời hai vị ti-khuru-ni đề thưa với các già rằng : Nhân mến cảnh thờ chùa ta, lại thấy hiện chùa có ai đèn nhang thờ Phật, nên hai vị muốn lưu lại ở đây. Vậy các già nghĩ thế nào ?

Liên-Tường tiểu thư liền cướp lấy nhờ nói tiếp :

— A di đà Phật ! Đến đây mến cảnh, mến chùa, hai anh em bản-tăng muốn ở luôn đây thấp hương thờ Phật, nên có lời nói trước với các tín-lão xem có nên chăng, anh em bản tăng sẽ trình hương chức sau.

Một tín-lão thông-thạo nhất, là mẹ ong Cai tổng trong làng, nhả bã giặt ra, nói :

— A di đà Phật ! Bạch hai sư bác, chưa chúng tôi đây ít hoa lợi, nhưng bề trên đã mến cảnh định lưu lại hầu hạ Phật, cho chị em chúng tôi có người mà trông cậy, để sớm tối chạy đi chạy về, thì còn vui nao bằng. Dầu rằng đất của vua, chùa của làng, nhưng quyền ở chị em chúng tôi cả. Chúng tôi tin yêu ở bề trên, thì nói với các thầy làm việc trong làng thế nào cũng xong.

Thế là tất cả các già nhào đi nhào lại cũng một ý kiến ấy, rồi đến thỏa-thuận nhận hai vị sư-nữ ở lại, cho vui chùa. Ngay chiều hôm ấy, mụ bà tai mắt trong làng

PHONG-CẢNH thiên-nhiên, giữa nơi u-nhã, dễ quyến lòng khách phương xa. Hai nàng liền vòng quanh lũy cây rậm-rạp để vào chùa. Đi một lúc thấy hiện ra dưới vòm cây sẫm uất cái cổng xây đá đỏ, rêu phủ kín cả, trên có ba chữ « Chấn lam tự », nét mực đã nhòa. Hai nàng liền sầm-sầm bước vào. Chùa rất vắng-vẻ, im lặng như tờ, một thứ im-lặng thiêng-liêng như cách biệt hẳn với bên ngoài gió bụi. Hai nàng vào mãi đến nhà tổ, mới thấy một vãi già chạy ra chào :

— A-di-đà Phật, lạy Phật, lạy Tổ, kính bạch ti-khuru-ni !

Hai nàng cũng đơn-đả chào lại :

— A-di-đà Phật ! Chào vãi ạ. Sư cụ có nhà không ?

— A di-đà Phật ! Lạy Phật, lạy Tổ, lão tăng chúng tôi mới tịch được một tháng nay ! Xin rước hai vị ti-khuru-ni vào vắng cảnh ạ !

Hai nàng liền theo vãi già vào nhà tổ, rồi ra ao sau chùa rửa chân tay. Lúc giở về, thì giờ vừa tối, Liên-Tường quen lẽ thói nhà chùa, liền dắt Lê-Kim lên chùa thấp hương trên bệ Phật, rồi ra đánh ba hồi chuông « mộ-thỉnh », cứ mỗi một tiếng chuông, nàng lại đọc một thôi kinh rất ngân-ngã, như cùng hòa theo với tiếng ngân của chuông đồng mà bay lan lên đến tận đờ Phật nhiệm-mầu. Thỉnh chuông xong, hai nàng xuống nhà tổ, thì vãi già đã rót nước ra đợ,

cùng nhau đến chùa rước hai nhà sư đi vào làng chào những hương chức. Đến ngày hôm sau, nhân tuần rằm, hai nàng làm lễ nhận chùa luôn. Suốt một buổi chiều hôm ấy trong chùa rất rộn rịp, kẻ ra người vào tấp nập, khắp cả làng đều muốn đến xem mặt hai vị sư bác và để chứng kiến cuộc lễ Phật đầu tiên của sư mới. Nhà nhem tối, sau khi các kỳ dịch trong làng đã ăn uống no say, và những lễ vật đã sửa-soạn xong rồi, cuộc đại lễ bắt đầu. Hai nàng ngồi ở chiếu giữa. Còn tất cả các già và các trẻ nữa, ngồi thừ tự thành từng hàng ở đằng sau. Hai gian bên, các kỳ dịch trong làng ngồi xem cuộc lễ. Chuông trống nổi dậy, Liên Tường tay cầm dùi luôn luôn gõ vào cái mõ sơn to tướng để xé trước mặt, mồm luôn đọc kinh cung Phật, dưới hàng trăm con mắt tò mò nhìn lại. Liên Tường tụng những bài kinh khó, còn để những bài dễ cho Lê Kim. Lê Kim vốn biết chữ và mấy hôm đi với Liên Tường đã học được hết những kinh cung, kinh thỉnh, nên tụng niệm một cách tự nhiên rõ ràng như người đã ở lâu năm trong cửa Từ bi vậy. Cho nên đến khi lễ tất, không còn ai dám chỉ trích gì cả. Nhiều người còn bồi thắm noi với nhau;

— Nhà sư cúng kỹ qua nhỉ.

— Chuyện, chan tu đây, người ta lâu cả các kinh như vậy mà!

V

Khắp cả làng, ai nấy đều có thiện cảm ngay với hai nàng. Và hơn ai hết, một người danh vọng trong làng lại đặc biệt chú ý đến. Người ấy không ai khác là viên Cai-tổng quyền thế nhất một vùng ấy. Hắn thấy hai nàng nhan sắc tuyệt vời lại đang độ xuân tươi mơn mớn nên đem lòng thầm yêu vụng thích, bèn sinh tà tâm, chực đem quyền thế mà áp bức hai nàng. Một hôm, Liên Tường đi tham ruộng về chùa gặp hắn lững thững trên đường gần chùa, vội lễ phép hỏi;

— Nam mô a di đà Phật. Lạy chào thầy Cai ạ!

Hắn vui vẻ đáp;

— Không dám. Nhà chùa đi đâu về đây?

Rồi hắn là lời nói tiếp:

— Nhà chùa trông trẻ nhỉ? Mới độ bao nhiêu tuổi thế? Như thế mà mới rửa cửa Phật cho hoài tấm thân ngà-ngọc kia đi!

Liên Tường tức uất người lên, nhưng cố nén cơn giận, rảo bước và nói vội:

— Ấy chết, thưa thầy Cai biết cho rằng nhà chùa là kẻ tu-hành, không biết đến chuyện giăng hoa!...

Hắn ta không nản cũng rảo bước theo và nói:

— Nhà chùa nói thế, chứ giới sinh ra ai chả trong vòng tình ái, dầu là cây cỏ cũng vòng phu-thê. Huống chi là người, nhất là cái người ấy lại đẹp nhất trần-gian.

Liên-Tường không nói nữa, cứ lẳng-lặng cầm đầu đi rất nhanh về chùa. Lão Cai-tổng cũng mãi miết theo kịp. Vào đến chùa, Liên-Tường đi vào nhà Tờ, để Lê-Kim ra chào:

— Nam mô a di đà Phật, chào thầy Cai ra vắng cảnh ạ!

— A di đà Phật, kính chào nhà chùa. Nhà chùa chưa lên hương thỉnh mộ à?

— Dạ! thưa thầy chưa tối.

Hắn ta cười nói.

— Thế thì nhà chùa lên hương sớm đi một chút cho tôi được vào lễ Phật.

— Thưa thầy, vâng. Vãi mau lấy giầu nước mời thầy Cai, để bàn tang lên chùa thỉnh mộ.

Nói vậy Lê-Kim liền vào nhà gọi Liên-Tường. Hai nàng nói thầm với nhau rồi cùng lên chùa. Lê-Kim đi thắp hương trên bàn thờ Phật, còn Liên-tường đứng dế chân chèo trên một cái giá gỗ cầm vỗ nện vào những vũ chuông phat ra những tiếng boong-boong ngao vọng. Đồng thời nàng cao tiếng tụng bài kinh nộ thán, tiếng trong mát nhẹ nhàng như quyến rũ con người phạm tục đang mê-mệt nhan sắc nhà chùa. Lê-Kim thắp hết các bát hương từ bàn thờ Phật đến bàn thờ Ông Thiện Ông Ác ở hai

bên, giở ra thì thấy lão Cai-tổng đang chăm-chú nhìn mình và Liên-Tường, nàng ngượng-ngùng bảo hắn:

— Rước thầy vào lễ Phật.

Hắn tươi cười nói:

— Vâng tôi xin vào lễ để cầu duyên. Nhà chùa tỉnh có được không?

Liên-Tường cũng vừa thỉnh song chuông. Hai người đều lặng im không nói sao. Ở ngoài giới bắt đầu đồ tối. Trong chùa những ngọn đèn dầu trên đĩa đã thắp thế chiếu in những bóng tượng phật lên tường lỗ-nhổ. Viên Cai-tổng lễ xong, đứng gần lại chỗ hai nàng và nói:

— Tôi cũng muốn đi tu như nhà chùa!

Hai nàng đều lùi, và không nói gì cả. Thấy vậy, hắn tưởng đã được lòng, liền nói sỗ:

— Và cùng tu ngay hôm nay.

Liên-Tường cố nén nổi tức ôn-tồn nói:

— Thầy Cai không được nói càn vậy. Ở đây cửa Phật trang nghiêm quảng-đại, không phải là nơi để thầy giở trò tục-tữ đê-tiện!

Hắn ta liền cười ha-hả nói:

— Thế nào là tục-tữ đê-tiện? Đến đức Phật-tổ ngày trước cũng không khỏi vòng tục-tữ ấy nữa là... Ngài cũng có vợ, có con, rồi mới sả thân đi tu. Vậy ngày nay chúng ta nhân tuổi xuân phơi phơi và ngày xuân êm-đẹp như thế này, chúng ta cũng nên bắt chước đức Phật mà tận hưởng cái thú của nhân-sinh đã, rồi ta sẽ tu lên Niết-ban chưa muộn!

Sự sỗ-sàng đã lên đến tột-bực, Lê-Kim không chịu được nữa, liền chỉ tay vào mặt Cai-tổng và nói rít lên rằng:

— Bần-tăng truyền cho thầy phải bước ra khỏi ngay chốn này, nếu còn bậy bạ nữa, thì vũ chuông này sẽ đưa thầy xuống âm-phù mà noi ma-mãnh với Diêm-vương! Bần-tăng không muốn nhiều nhời!

CHU-THIÊN

con nữa

Dưới mắt tôi

BỮA «TIỆC» DƯỚI GỐC ME!

Dưới vòm trời mờ xám, xa xa có tiếng sấm như đười xuân đi, tôi, lững thững đang lê gót «săng đan» trên đường cái nhựa, bỗng phải chú ý đến bức tranh hoạt họa bày bên dĩa đường.

Dưới gốc cây me cổ thụ, cành lá bà-xòa, hai trẻ đang cúi húi tìm kiếm vật gì ở trên mặt đất trải cỏ xơ xác.

Tò mò tôi đến gần. Thì ra một cậu, độ 12 tuổi, đang bới cỏ nhặt quả me. Còn cậu độ 14 tuổi, thấy tôi đến, tăng lời rút súng cao su ở túi ra, vờ vờ bắn xuống giàn mướp mới kéo ngọn ở đợt ruộng thấp.

— Thế nào, có nhặt được nhiều me không? Me này mà chấm muối ăn thì ngon rá phết!

Thấy hỏi niềm nở, biết tôi không đem đến cùng họ một ý ác gì, cậu 14 tuổi đã dịu dần cặp mắt «ngờ vực» vẫn xét lét tôi từ lúc mới gặp.

Ngước lên trên cành cao, tôi thấy một cậu, áo nâu, quần chao lòng, đang nhí nhảnh trong bụi lá kén đào, không đánh tiếng.

Một bầu không khí «thân thiện» dần dần kéo đến bao phủ chúng tôi.

Cậu 12 tuổi, vừa nhặt me vừa nhấm nháp ăn.

Tôi day lại hỏi Sang, cậu cầm súng cao su.

— Sao không ăn me?

Sang đứng đĩnh:

— Có quả nào chín, tôi «mấy» ăn.

Chừng đã nặng túi, Năm cũng trạc 14 tuổi, từ trên cây me «vừa người ôm» lần xuống. Còn độ 40 phân nữa mới tới mặt cỏ, Năm xoay hai chân ra, bảo Tý:

— Tý, cho tao «nhờ» cái vai mày một tí nào!

Tý, không từ chối, cũng không dậm dề, ghé ngay hai vai vào bên gốc me.

Hai tay đu cành me, hai chân đứng trên vai Tý, Năm nhanh nhẹn

nhảy tốt xuống.

Móc hai túi, Năm bỏ ra hàng 4, 5 chục quả me, bì xanh, tuyết vàng, xen lẫn vài ba quả ớt đỏ chót!

Góp vào đồng me và ớt mà Năm vừa để trên mặt đất rắc cỏ bên gốc cây. Tý cũng móc túi bỏ ra mười quả me và hai ba quả ớt.

Xúm vào dự «tiệc», các cậu, trước hết, hai tay cầm hai đầu quả ớt bẻ ra làm đôi, rồi tay quả me đã cắn bỏ đầu màu, tay nửa ớt, ngon lành ngọam miếng me mà họ đã thạo tay phiết ớt vào me như cha chú ở nhà vẫn «giẻo quẹo» quệt miếng đậu phụ vào đĩa mắm tôm,

Ăn hết một miếng rồi, các cậu lại phiết ớt vào miếng me khác, nhai rau rầu.

— Này, tôi tòm tòm hỏi, thế anh nào phải trèo cây lấy me thì được nhiều, còn anh nào ở dưới thì được ít, phải không?

Nhắm nhẩn Sang đáp:

— Chúng tôi chầy rồi ăn chung, còn thì chúng tôi bán.

— Thế các cậu trèo me, ngộ Lục-lộ người ta bắt được thì sao?

— Chúng tôi chỉ chầy me thôi, chứ có bẻ củi đầu mà sợ. Để me chín thì nó cũng rụng mất chứ được bộ gì!

— Nhưng khi trèo cây, người ta tưởng mình bẻ củi thì sao?

Với giọng đường như «lý sự» Sang cãi:

— Trèo cây bẻ củi, thì dưới gốc phải có củi chứ? Đây chúng tôi chỉ có một mẫu đơn gánh gầy (Sang vừa nói vừa giơ mẫu đơn đơn gánh lên).

— Ăn thế này có tháo-tổng bao giờ không?

— Chả việc gì! Tháo tổng, là phải khi thôi.

— Có ăn no được không?

— Muốn thì chúng tôi ăn no được. Chứ me «mấy» sấu thì ăn vào chỉ bộ đói thêm, chứ no gì! Đang ăn, Sang bỗng trước ném mẫu ớt, sau lại liêng luôn quả me vào anh chàng đang lễ mễ gánh qua đường một gánh với nặng nề.

Chừng ăn đã chán, Năm đi ớt bới vào mồm Tý rồi cười há hốc...

Sang cũng đi ớt bới vào mồm Năm. Năm cười:

— Mẹ mày!

Sang lại chỉ vào Năm mà «giới thiệu»:

— Thằng này tên là Đợi-Nhún (Nhún Đói). Năm lại càng cười:

Rồi Năm và Sang bới lẫn ớt vào mặt nhau.

Chưa đủ hả giận, hai cậu lại «quần thảo» nhau ở trên đường cái nhựa như các «bộ» thường đấu khẩu và xô-xát nhau trong một bữa rượu việc làng say-sưa...

SONG CỐI

Trẻ con thuộc A B C rồi nên cho chúng học ở quyền

VẬN VĂN BÁCH TUYẾN

của ông Dương-Tự-Quán

Sách biên tập rất tốt, hợp với trình độ trẻ, từ dễ đến khó, đã được hội đồng duyệt y cho dùng trong các trường công tư khắp Đông-Pháp

Mới in lại lần thứ 7 — Giá 0p50 — Cước 0p10

Quốc-Học Thư-Xã
Tuần sau sẽ phát hành

THI-THOAI

Một kho tài-liệu vô giá của các nhà thơ, các nhà
y'u thơ, các học-giả nghiên-cứu thi-học và văn-học

Giấy non 300 trang, giá 2p00
Giấy bouffant và giấy lệnh thượng hạng
mỗi thứ còn hai bộ, giá 4p00

Thư và ngân phiếu đều

M. LÊ VĂN-HỒE giám-đốc **QUỐC-HỌC**
THƯ-XÃ, 16bis Tién Tsin HANOI

Sổ chuyên-san về triều Gia-Long (T. T. số
50) sẽ có những bài khảo-cứu rất công-phu
về phương-diện sử-ký cũng như về phương-
diện văn-học.

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM
Trịnh - Như - Tầu :

1 - Hưng yên địa chí 0p.80
2 - Bắc giang địa chí 1 50
3 - Trịnh gia chính phủ 0.40

Đều có bán tại Đông Tây
thư quán
193 Phố Hàng Bông - Hanoi

Các bạn
cầu may !

bỏ 1 đồng
mua vé số

Đông - Pháp

biết đâu không trúng
số độc đắc 10 vạn

THOAI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sưng đau mình, trẻ con người lớn uống một gói
Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sinh bệnh dai dẳng) dùng một hộp thuốc khí hư
Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn
Hồng-Khê giá 1p.50.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết
Hồng-Khê (0p.50 một hộp).

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đcan đã phân chất), thuốc viên 0p.30
một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60, ai bị bệnh giang mai uống thuốc
giang mai số 14.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bông. Chi nhánh 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biểu, sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨMNANG
đề phòng thân và trị bệnh